

Phụ lục III**QUY TRÌNH NỘI BỘ - QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT TTHC LĨNH VỰC QUỐC TỊCH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THUỘC THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTPVHCC ngày / /2026 của Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố)

I. Lĩnh vực Quốc tịch**1. Cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam (2.001895)**

1	Mục đích
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức giải quyết hồ sơ xin cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam.
2	Phạm vi: Áp dụng đối với cá nhân xin cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam. Sở Tư pháp, Trung tâm Phục vụ hành chính công, Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC theo thông báo của cấp có thẩm quyền (sau đây gọi chung là Bộ phận Một cửa) và công chức Bộ phận Một cửa, công chức, người lao động được bố trí tham gia trong quá trình tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả chịu trách nhiệm thực hiện Quy trình này.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2025; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu - Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008; - Nghị định số 191/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam; - Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 12/2025/TT-BTP ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Quyết định số 3713/QĐ-BTP ngày 26/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp; - Nghị quyết 77/2025/NQ-HĐND ngày 27/11/2025 của HĐND thành phố Hà Nội về thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố trên địa bàn thành phố Hà Nội;

	<p>- Quyết định số 1099/QĐ-TTPVHCC ngày 25/7/2025 của Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố danh mục TTHC mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực quốc tịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp thành phố Hà Nội;</p> <p>- Quyết định số 216/QĐ-TTPVHCC ngày 13/02/2026 của Trung tâm Phục vụ hành chính công về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi bổ sung lĩnh vực Hộ tịch, Quốc tịch, Chứng thực, Nuôi con nuôi, Hòa giải ở cơ sở, Bồi thường nhà nước, Trợ giúp pháp lý thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp thành phố Hà Nội.</p>		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Tờ khai đề nghị xác nhận là người gốc Việt Nam	X	
	02 ảnh 4 x 6 chụp chưa quá 06 tháng	X	
	Giấy tờ về nhân thân của người đó như giấy Chứng minh nhân dân, thẻ Căn cước công dân, thẻ căn cước, căn cước điện tử, giấy tờ cư trú, thẻ tạm trú, giấy thông hành, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế hoặc giấy tờ xác nhận về nhân thân có dán ảnh do cơ quan có thẩm quyền cấp (<i>Đối với Chứng minh nhân dân, thẻ Căn cước công dân, thẻ căn cước hoặc Giấy chứng nhận căn cước, người yêu cầu chỉ nộp trong trường hợp cơ quan thụ lý không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác</i>).		X
	Giấy tờ chứng minh nơi cư trú để xác định thẩm quyền		X
	Giấy tờ được cấp trước đây để chứng minh người đó đã từng có quốc tịch Việt Nam mà khi sinh ra quốc tịch của họ được xác định theo nguyên tắc huyết thống hoặc giấy tờ để chứng minh người đó khi sinh ra có cha mẹ hoặc ông bà nội, ông bà ngoại đã từng có quốc tịch Việt Nam, trong trường hợp cơ quan tiếp nhận không thể khai thác được trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. (<i>Trường hợp giấy tờ chứng minh là Giấy khai sinh hoặc Trích lục khai sinh, người yêu cầu chỉ nộp trong trường hợp cơ quan thụ lý không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác</i>).		X
	Trường hợp không có bất kỳ giấy tờ nào nêu trên thì tùy từng hoàn cảnh cụ thể, có thể nộp bản sao giấy tờ về nhân thân, quốc tịch, hộ tịch do chế độ cũ ở miền Nam hoặc giấy tờ do chính quyền cũ ở miền Bắc cấp; giấy bảo lãnh của Hội đoàn người Việt Nam ở nước ngoài nơi người đó đang cư trú, trong đó xác nhận người đó có gốc Việt Nam; giấy bảo lãnh của người có quốc tịch Việt Nam, trong đó xác nhận người đó có gốc Việt Nam; giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp trong đó ghi quốc tịch Việt Nam hoặc quốc tịch gốc Việt Nam.		X

	<p>*Lưu ý</p> <p>Trường hợp hồ sơ được gửi qua dịch vụ bưu chính thì các giấy tờ trong hồ sơ phải được chứng thực từ bản chính hoặc được cấp từ sổ gốc; Tờ khai phải được chứng thực chữ ký theo quy định của pháp luật.</p> <p>Trường hợp pháp luật quy định giấy tờ phải nộp là bản sao thì người yêu cầu giải quyết các việc về quốc tịch có thể nộp giấy tờ là bản chụp từ bản chính; bản sao được chứng thực từ bản chính; bản sao được cấp từ sổ gốc; bản điện tử các giấy tờ này; giấy tờ được tích hợp, hiển thị trên Ứng dụng định danh điện tử (VneID). Nếu nộp bản chụp từ bản chính thì phải có bản chính để đối chiếu; người thụ lý hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản sao với bản chính và ký xác nhận đã đối chiếu.</p> <p>- Đối với các giấy tờ chứng minh nhân thân, chứng minh gốc Việt Nam sau đây, người yêu cầu có thể cung cấp thông tin về giấy tờ (số, ngày cấp, nơi cấp) để cơ quan thụ lý hồ sơ khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thay cho giấy tờ phải nộp:</p> <p>+ Giấy tờ chứng minh nhân thân là Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc Thẻ Căn cước hoặc Giấy chứng nhận căn cước;</p> <p>+ Giấy tờ được cấp trước đây để chứng minh người đó đã từng có quốc tịch Việt Nam mà khi sinh ra quốc tịch của họ được xác định theo nguyên tắc huyết thống hoặc giấy tờ để chứng minh người đó khi sinh ra có cha mẹ hoặc ông bà nội, ông bà ngoại đã từng có quốc tịch Việt Nam là Giấy khai sinh hoặc Trích lục khai sinh.</p> <p>- Cơ quan thụ lý hồ sơ có trách nhiệm khai thác trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trên cơ sở thông tin do người dân cung cấp. Trường hợp không khai thác được hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì thực hiện như sau:</p> <p>+ Trường hợp người yêu cầu nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tiếp nhận hồ sơ, cơ quan thụ lý có thông báo cho người yêu cầu để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Việc thông báo được thực hiện bằng một hoặc nhiều phương thức: gửi đến tài khoản cá nhân trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; gửi tin nhắn hoặc liên hệ qua số điện thoại, hộp thư điện tử do người yêu cầu cung cấp.</p> <p>+ Trường hợp người yêu cầu nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính, không quá 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, cơ quan thụ lý có văn bản gửi cho người yêu cầu để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.</p>		
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	<p>Thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền: 53 ngày đối với hồ sơ xác minh thông thường hoặc 68 ngày đối với hồ sơ xác minh phức tạp.</p> <p>1. Thời hạn Sở Tư pháp xem xét, kiểm tra thông tin trong hồ sơ, giấy tờ do người yêu</p>		

	<p>cầu xuất trình và có văn bản gửi cơ quan Công an Thành phố xác minh về nhân thân của người có yêu cầu: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.</p> <p>2. Thời hạn Công an Thành phố xác minh và trả lời kết quả xác minh là 45 ngày; trường hợp phức tạp thì có thể kéo dài thêm nhưng không quá 60 ngày.</p> <p>3. Thời hạn Sở Tư pháp ghi vào Sổ cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam và cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả xác minh đủ cơ sở để xác định người đó có nguồn gốc Việt Nam</p>				
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả				
	Công Dịch vụ công Quốc gia - Trung tâm Phục vụ hành chính công, <i>Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC (Theo thông báo của cấp có thẩm quyền)</i>				
3.6	Phí				
	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí: 100.000 đồng/trường hợp - Miễn phí đối với: người di cư từ Lào được phép cư trú xin xác nhận là người gốc Việt Nam theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; kiều bào Việt Nam tại các nước láng giềng có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi cư trú. - Hỗ trợ 100% mức phí, lệ phí đối với các thủ tục hành chính có mức thu do Bộ Tài chính quy định khi thực hiện trên Dịch vụ công trực tuyến (không bao gồm phí thẩm định hồ sơ) 				
3.7	Quy trình xử lý công việc				
Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị/ Người thực hiện	Thời hạn xử lý (ngày làm việc)	Biểu mẫu/Kết quả	Ghi chú
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển hồ sơ về bộ phận giải quyết hồ sơ	Cán bộ thụ lý hồ sơ	0,5 ngày	Thành phần hồ sơ theo mục 3.2 Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả - Sổ theo dõi hồ sơ Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	
	Kiểm tra hồ sơ, gửi văn bản xác minh nhân thân	Cán bộ giải quyết hồ sơ	4,5 ngày	- Văn bản đề nghị xác minh kèm theo Hồ sơ được thẩm định	

B2	Xác minh nhân thân và trả lời kết quả xác minh	Cán bộ Công an (cấp tỉnh đối với hồ sơ nộp tại Sở Tư pháp, Bộ Công an đối với hồ sơ nộp tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài)	- 45 ngày đối với hồ sơ xác minh bình thường; - 60 ngày đối với hồ sơ xác minh phức tạp.	Văn bản trả lời xác nhận tình trạng nhân thân của người yêu cầu	
B3	Nhận kết quả xác minh, hoàn tất hồ sơ	Cán bộ giải quyết hồ sơ	03 ngày	Dự thảo Giấy xác nhận kèm theo Hồ sơ hoặc văn bản thông báo từ chối cấp giấy xác nhận	
	Ký và cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	Người đứng đầu cơ quan			
Tổng thời gian giải quyết			- 53 ngày đối với hồ sơ xác minh thông thường; - 68 ngày đối với hồ sơ xác minh phức tạp.	Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	Thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ
4	Biểu mẫu				
a.	Hệ thống Biểu mẫu (Thông tư số 12 /2025/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				
b.	Tờ khai đề nghị xác nhận là người gốc Việt Nam (Mẫu TP/QT-2025-TKXNNGVN.1).;				
c.	Tờ khai đề nghị xác nhận là người gốc Việt Nam dùng cho người đại diện theo pháp luật đề nghị cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam cho người được đại diện (TP/QT-2025-TKXNNGVN.2).				
d.	Mẫu điện tử tương tác Tờ khai đề nghị xác nhận là người gốc Việt Nam và Tờ khai đề nghị xác nhận là người gốc Việt Nam dùng cho người đại diện theo pháp luật đề nghị cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam cho người được đại diện (nếu nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến).				
e.	Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam (TP/QT-2025-XNNGVN).				

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ảnh 4 x 6
(chụp không
quá 6 tháng)

....., ngày tháng..... năm.....

TỜ KHAI
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY XÁC NHẬN LÀ NGƯỜI GỐC VIỆT NAM

Kính gửi (1):

Họ, chữ đệm và tên (2): Giới tính* :.....
Ngày, tháng, năm sinh:
Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử đã từng được cấp (nếu có):.....
Nơi sinh (3)* :
Nơi đăng ký khai sinh* (4):
Quốc tịch (5)* :
Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:số:.....
do:..... cấp ngày.....tháng.....năm.....
Nơi cư trú* :
.....
Ngày, tháng, năm xuất cảnh (nếu có) (6):/...../.....
Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có) (6) :.....
.....

Giấy tờ chứng minh là người đã từng có quốc tịch Việt Nam mà khi sinh ra quốc tịch được xác định theo nguyên tắc huyết thống hoặc giấy tờ chứng minh người đó khi sinh ra có cha mẹ hoặc ông bà nội, ông bà ngoại đã từng có quốc tịch Việt Nam hoặc giấy tờ thay thế theo quy định:

- 1,.....
- 2,.....
- 3,.....
- 4,.....
- 5,.....

Đề nghị (1) cấp cho tôi Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam.
Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình./.

Người khai
(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Chú thích:

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin “Họ, chữ đệm và tên”, “ngày tháng năm sinh”, “Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có)” thì công chức làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

(1) Tên cơ quan thụ lý hồ sơ.

(2) Ghi bằng chữ in hoa theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế.

(3) Ghi địa danh theo 02 cấp hành chính (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia (nếu sinh ở nước ngoài). Ví dụ: Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.

(4) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh theo 02 cấp hành chính (nếu thực hiện tại Việt Nam). Ví dụ: UBND phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Ghi tên cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài (nếu đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh tại cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài). Ví dụ: Đại sứ quán Việt Nam tại CHLB Đức.

Ghi tên cơ quan có thẩm quyền nước ngoài tại thành phố, quốc gia (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài). Ví dụ: Chính quyền thành phố Postdam, CHLB Đức.

(5) Trường hợp đang có quốc tịch nước ngoài thì ghi chính xác tên quốc gia mang quốc tịch theo phiên âm La - tinh hoặc phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Malaysia hoặc Ma-lai-xi-a; trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch.

(6) Trường hợp xuất cảnh nhiều lần thì ghi ngày, tháng, năm xuất cảnh và địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh của lần xuất cảnh lần đầu.

Ảnh 4 x 6 của
người được
đại diện (chụp
không quá 6
tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng..... năm.....

TỜ KHAI

ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY XÁC NHẬN LÀ NGƯỜI GỐC VIỆT NAM
(Dùng cho người đại diện theo pháp luật đề nghị
cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam cho người được đại diện)

Kính gửi (1):

Người đại diện theo pháp luật:

Họ, chữ đệm và tên (2): Giới tính* :.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):
.....

Quốc tịch* :

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế: số:

do:..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Nơi cư trú* :

Quan hệ giữa người đại diện theo pháp luật và người được đại diện:

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam cho người có tên dưới đây:

Họ, chữ đệm và tên (2): Giới tính* :

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử đã từng được cấp (nếu có):

Nơi sinh (3)* :

Nơi đăng ký khai sinh (4)* :

Quốc tịch (5)* :

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế: số:

do:..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Nơi cư trú* :

Ngày, tháng, năm xuất cảnh (nếu có) (6):/...../.....

Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có) (6):

Giấy tờ chứng minh là người đã từng có quốc tịch Việt Nam mà khi sinh ra quốc tịch được xác định theo nguyên tắc huyết thống hoặc giấy tờ chứng minh người đó khi sinh ra có cha mẹ hoặc ông bà nội, ông bà ngoại đã từng có quốc tịch Việt Nam hoặc các giấy tờ thay thế theo quy định.

1,

2,

3,

4,

5,

Đề nghị (1) cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam cho
(7)

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình./.

Người khai

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Chú thích:

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin “Họ, chữ đệm và tên”, “ngày, tháng, năm sinh”, “Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có)” thì công chức làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

(1) Tên cơ quan thụ lý hồ sơ.

(2) Ghi bằng chữ in hoa theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế.

(3) Ghi địa danh hai cấp hành chính (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia (nếu sinh ở nước ngoài). Ví dụ: Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.

(4) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh theo 02 cấp hành chính (nếu đăng ký khai sinh tại Việt Nam) hoặc ghi theo tên cơ quan có thẩm quyền nước ngoài tại thành phố, quốc gia (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài). Ví dụ: UBND phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội hoặc Chính quyền thành phố Postdam, CHLB Đức.

(5) Trường hợp đang có quốc tịch nước ngoài thì ghi chính xác tên quốc gia mang quốc tịch theo phiên âm La-tinh hoặc phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Malaysia hoặc Ma-lai-xi-a; trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch.

(6) Trường hợp xuất cảnh nhiều lần thì ghi ngày, tháng, năm xuất cảnh và địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh của lần xuất cảnh lần đầu.

(7) Ghi họ, chữ đệm và tên của người được đại diện.

**NỘI DUNG MẪU QUỐC TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY XÁC NHẬN LÀ NGƯỜI GỐC VIỆT NAM**

- (1) Ảnh 4 x 6 và chụp không quá 6 tháng;
- (2) Họ, chữ đệm và tên;
- (3) Giới tính;
- (4) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);
- (5) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (6) Nơi sinh;
- (7) Nơi đăng ký khai sinh (ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh theo 02 cấp hành chính (nếu đăng ký khai sinh tại Việt Nam) hoặc ghi theo tên cơ quan có thẩm quyền nước ngoài tại thành phố, quốc gia (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài));
- (8) Quốc tịch;
- (9) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (10) Nơi cư trú (nơi đang sinh sống);
- (11) Ngày, tháng, năm xuất cảnh (nếu có) (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (12) Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có): (nơi đã thường trú/nơi đã tạm trú/nơi đã sinh sống);
- (13) Giấy tờ chứng minh là người đã từng có quốc tịch Việt Nam mà khi sinh ra quốc tịch được xác định theo nguyên tắc huyết thống hoặc giấy tờ chứng minh người đó khi sinh ra có cha mẹ hoặc ông bà nội, ông bà ngoại đã từng có quốc tịch Việt Nam hoặc giấy tờ thay thế theo quy định (*ghi rõ từng loại giấy tờ*);
- (14) Đề nghị cấp cho tôi Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam (ghi rõ tên cơ quan thụ lý hồ sơ).

* Người yêu cầu cam đoan về các thông tin cung cấp và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVCĐ, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

Người yêu cầu cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam nhận bản điện tử Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam.

Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam khi đã hoàn tất thủ tục cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam.

NỘI DUNG MẪU QUỐC TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY XÁC NHẬN LÀ NGƯỜI GỐC VIỆT NAM
(Dùng cho người đại diện theo pháp luật đề nghị cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam
cho người được đại diện)

I. Thông tin người đại diện theo pháp luật

- (1) Họ, chữ đệm và tên;
- (2) Giới tính;
- (3) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);
- (4) Số định danh cá nhân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (5) Nơi sinh;
- (6) Quốc tịch;
- (7) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (8) Nơi cư trú (nơi đang sinh sống);
- (9) Quan hệ giữa người đại diện theo pháp luật và người được đại diện;

II. Thông tin về người xin cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam

- (10) Ảnh 4 x 6 và chụp không quá 6 tháng;
- (11) Họ, chữ đệm và tên;
- (12) Giới tính;
- (13) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);
- (14) Số định danh cá nhân/số Căn cước công dân/số Thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (15) Nơi sinh;
- (16) Nơi đăng ký khai sinh (ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh theo 02 cấp hành chính (nếu đăng ký khai sinh tại Việt Nam) hoặc ghi theo tên cơ quan có thẩm quyền nước ngoài tại thành phố, quốc gia (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài));
- (17) Quốc tịch;
- (18) Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế (số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm);
- (19) Nơi cư trú (nơi đang sinh sống);
- (20) Ngày, tháng, năm xuất cảnh (nếu có) (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (21) Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có): (nơi đã thường trú/nơi đã tạm trú/nơi đã sinh sống);
- (22) Giấy tờ chứng minh là người đã từng có quốc tịch Việt Nam mà khi sinh ra quốc tịch được xác định theo nguyên tắc huyết thống hoặc giấy tờ chứng minh người đó khi sinh ra có cha mẹ hoặc ông bà nội, ông bà ngoại đã từng có quốc tịch Việt Nam hoặc giấy tờ thay thế theo quy định (*ghi rõ từng loại giấy tờ*);
- (23) Đề nghị cấp cho tôi Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam (ghi rõ tên cơ quan thụ lý hồ sơ).

* Người yêu cầu cam đoan về các thông tin cung cấp và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVCĐ, được hệ thống điện tử tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

Người yêu cầu cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam nhận bản điện tử Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam.

Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam khi đã hoàn tất thủ tục cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam.

.....(1).....
(2).....
 Số:...../XNNGVN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ảnh 4 x 6
 (chụp
 không quá
 6 tháng)

....., ngàytháng..... năm.....

GIẤY XÁC NHẬN LÀ NGƯỜI GỐC VIỆT NAM

.....(2).....

Căn cứ quy định pháp luật quốc tịch Việt Nam;

Xét đề nghị của ông/bà (3):

..... về việc xác
 nhận là người gốc Việt Nam cho ông/bà (4).....

XÁC NHẬN:

Họ, chữ đệm và tên (4):Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh:/...../.....

Nơi sinh (5):

.....

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:số:

do:..... cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú:

.....

Là người gốc Việt Nam.

NGƯỜI KÝ GIẤY XÁC NHẬN

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm và tên; chức vụ và đóng dấu)

Chú thích:

(1) Tên cơ quan chủ quản của cơ quan cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam. Ví dụ: UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI. Nếu cơ quan cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam là cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thì không phải ghi dòng này.

(2) Tên cơ quan cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam: nếu là Sở Tư pháp thì ghi tên SỞ TƯ PHÁP; nếu là Cơ quan đại diện thì ghi tên cơ quan đại diện và tên nước đặt trụ sở cơ quan đại diện. Ví dụ: ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI CHLB ĐỨC.

(3) Nếu là nam thì gạch chéo “bà”, nữ thì gạch chéo “ông” và ghi họ, chữ đệm và tên (bằng chữ in hoa, có dấu) của người được giao nhiệm vụ tham mưu giải quyết hồ sơ.

(4) Ghi họ, chữ đệm và tên (bằng chữ in hoa, có dấu) của người được cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế.

(3)+(4) Ví dụ: Xét đề nghị của ông NGUYỄN HÀ, người làm công tác quốc tịch của Sở Tư pháp, về việc cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam cho bà NGUYỄN THỊ HOA.

(5) Ghi địa danh 02 cấp hành chính (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia (nếu sinh ở nước ngoài). Ví dụ: Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.

2. Nhập quốc tịch Việt Nam ở trong nước (2.002039)

1	Mục đích
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức giải quyết hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam.
2	Phạm vi
	<p>Áp dụng đối với cá nhân xin nhập quốc tịch Việt Nam.</p> <p>Sở Tư pháp, Văn phòng UBND Thành phố, <i>Trung tâm Phục vụ Hành chính công, Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC theo thông báo của cấp có thẩm quyền (sau đây gọi chung là Bộ phận Một cửa) và công chức Bộ phận Một cửa, công chức, người lao động được bố trí tham gia trong quá trình tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả chịu trách nhiệm thực hiện Quy trình này.</i></p>
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2025. - <i>Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu - Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008.</i> - Nghị định số 191/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam. - <i>Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp</i> - Thông tư số 12/2025/TT-BTP ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch. - <i>Quyết định số 3713/QĐ-BTP ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</i> - <i>Nghị quyết 77/2025/NQ-HĐND ngày 27/11/2025 của HĐND thành phố Hà Nội về việc thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố trên địa bàn thành phố Hà Nội.</i> - Quyết định số 1099/QĐ-TTPVHCC ngày 25/7/2025 của Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố danh mục TTHC mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực quốc tịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp thành phố Hà Nội - <i>Quyết định số 216/QĐ-TTPVHCC ngày 13/02/2026 của Trung tâm phục vụ hành chính công về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi bổ sung lĩnh vực Hộ tịch, Quốc tịch, Chứng thực, Nuôi con nuôi, Hòa giải ở cơ sở, Bồi thường nhà nước, Trợ giúp pháp lý thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp thành phố Hà Nội.</i>

3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam	X	
	Giấy khai sinh, Hộ chiếu hoặc giấy tờ khác có giá trị thay thế		X
	Bản khai lý lịch	X	
	Giấy tờ chứng minh thông tin lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp phù hợp với pháp luật của nước đó đối với thời gian người xin nhập quốc tịch Việt Nam cư trú ở nước ngoài. Giấy tờ chứng minh thông tin lý lịch tư pháp được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ	X	
	<p>Giấy tờ chứng minh trình độ tiếng Việt của người xin nhập quốc tịch Việt Nam là bản sao văn bằng, chứng chỉ để chứng minh người đó đã học bằng tiếng Việt tại Việt Nam như bản sao bằng tiến sĩ, bằng thạc sĩ, bằng cử nhân hoặc bằng tốt nghiệp đại học, bằng tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp (bao gồm bằng tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp hoặc trung cấp chuyên nghiệp) hoặc bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trung học cơ sở của Việt Nam hoặc bản sao chứng chỉ tiếng Việt theo khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài do cơ sở giáo dục của Việt Nam cấp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p> <p>Trong trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam không có giấy tờ chứng minh trình độ tiếng Việt thì Sở Tư pháp tổ chức kiểm tra, phỏng vấn về khả năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Việt của người đó bảo đảm đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 191/2025/NĐ-CP. Thành phần tham gia phỏng vấn có đại diện của Sở Tư pháp và Sở Giáo dục và Đào tạo. Kết quả kiểm tra, phỏng vấn phải được lập thành văn bản. Những người trực tiếp kiểm tra, phỏng vấn chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra, phỏng vấn và ý kiến đề xuất của mình;</p>		X
	Giấy tờ chứng minh về chỗ ở, thời gian thường trú ở Việt Nam (phải là người đang thường trú tại Việt Nam và đã được cơ quan Công an có thẩm quyền của Việt Nam cấp Thẻ thường trú. Thời gian thường trú tại Việt Nam của người xin nhập quốc tịch Việt Nam được tính từ ngày người đó được cấp Thẻ thường trú)		X
	Giấy tờ chứng minh khả năng bảo đảm cuộc sống tại Việt Nam của người xin nhập quốc tịch Việt Nam gồm một trong các giấy tờ sau: giấy tờ chứng minh quyền sở hữu tài sản; giấy tờ do cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc xác nhận về mức lương hoặc thu nhập; giấy tờ bảo lãnh của tổ chức, cá nhân tại Việt Nam; giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú về tình trạng nhà ở, công việc, thu nhập của người xin nhập quốc tịch Việt Nam		X
	<p>Bản sao Giấy khai sinh của con chưa thành niên cùng nhập quốc tịch Việt Nam theo cha mẹ hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con, trong trường hợp cơ quan tiếp nhận không thể khai thác được thông tin chứng minh quan hệ cha, mẹ, con trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.</p> <p>Trường hợp người chưa thành niên có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam xin nhập quốc tịch Việt Nam, trường hợp chỉ người cha hoặc</p>		X

	<p>người mẹ nhập quốc tịch Việt Nam mà con chưa thành niên sinh sống cùng người đó nhập quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ thì phải nộp văn bản thỏa thuận có đủ chữ ký của cha mẹ về việc xin nhập quốc tịch Việt Nam cho con. Văn bản thỏa thuận không phải chứng thực chữ ký; người đứng đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam cho con phải chịu trách nhiệm về tính chính xác chữ ký của người kia.</p> <p>Trường hợp cha, mẹ đã chết, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự thì văn bản thỏa thuận được thay thế bằng giấy tờ chứng minh cha, mẹ đã chết, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.</p>		
	<p>- Những người được miễn một số điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam thì được miễn các giấy tờ tương ứng với điều kiện được miễn, nhưng phải nộp một số giấy tờ sau để chứng minh điều kiện được miễn, cụ thể là:</p> <p>+ Trường hợp có vợ, chồng là công dân Việt Nam thì nộp bản sao Giấy chứng nhận kết hôn hoặc Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; nếu có cha đẻ, mẹ đẻ, con đẻ là công dân Việt Nam thì nộp bản sao Giấy khai sinh hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha, mẹ, con; nếu có ông nội và bà nội hoặc ông ngoại và bà ngoại là công dân Việt Nam thì nộp bản sao giấy tờ hợp lệ để chứng minh, trường hợp cơ quan tiếp nhận không thể khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. <i>Việc nộp bản sao Giấy khai sinh hoặc Trích lục khai sinh, Giấy chứng nhận kết hôn chỉ thực hiện trong trường hợp cơ quan tiếp nhận không thể khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác;</i></p> <p>+ Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam (phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó trên cơ sở hồ sơ, ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan và quy định của pháp luật chuyên ngành);</p> <p>+ Người có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (phải là người có tài năng vượt trội trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, kinh tế, pháp luật, văn hóa, xã hội, nghệ thuật, thể thao, y tế, giáo dục hoặc các lĩnh vực khác đã được cơ quan quản lý nhà nước cấp bộ xác nhận về tài năng hoặc được giải thưởng quốc tế, huân chương, huy chương và có cơ sở cho thấy người đó sẽ đóng góp tích cực, lâu dài cho sự phát triển lĩnh vực nói trên của Việt Nam; Doanh nhân, nhà đầu tư là cá nhân có hoạt động kinh doanh, đầu tư tại Việt Nam đã được cơ quan quản lý nhà nước cấp bộ xác nhận về việc người đó sẽ đóng góp tích cực, lâu dài cho sự phát triển của Việt Nam).</p> <p>- Người xin nhập quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài phải có giấy tờ sau:</p> <p>+ Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp về việc giữ quốc tịch nước ngoài phù hợp với pháp luật của nước đó. Trường hợp</p>	X	

	<p>pháp luật nước ngoài không quy định việc cấp loại giấy tờ này thì người đó phải có bản cam đoan về việc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài không quy định việc cấp loại giấy tờ này và việc xin giữ quốc tịch nước ngoài khi nhập quốc tịch Việt Nam là phù hợp với pháp luật của nước ngoài đó;</p> <p>+ Bản cam kết không sử dụng quốc tịch nước ngoài để gây phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân, xâm hại an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>Trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài mà không đáp ứng đầy đủ điều kiện quy định tại khoản 6 Điều 19 Luật Quốc tịch Việt Nam thì phải thôi quốc tịch nước ngoài.</p>		
	<p>* Lưu ý:</p> <p>- Giấy tờ có trong hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.</p> <p>- Giấy tờ trong hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam bằng tiếng nước ngoài phải được dịch sang tiếng Việt; bản dịch phải được chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật Việt Nam.</p> <p>- Trường hợp pháp luật quy định giấy tờ phải nộp là bản sao thì người xin nhập quốc tịch Việt Nam có thể nộp giấy tờ là bản chụp từ bản chính; bản sao được chứng thực từ bản chính; bản sao được cấp từ sổ gốc; bản điện tử các giấy tờ này; giấy tờ được tích hợp, hiển thị trên Ứng dụng định danh điện tử (VNeID). Nếu nộp bản chụp từ bản chính thì phải có bản chính để đối chiếu; người thụ lý hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản sao với bản chính và ký xác nhận đã đối chiếu.</p> <p>- <i>Người yêu cầu có thể cung cấp thông tin về giấy tờ (số, ngày cấp, nơi cấp) để cơ quan thụ lý hồ sơ khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử thay cho giấy tờ phải nộp đối với các giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp sau đây:</i></p> <p>+ <i>Giấy tờ chứng minh thuộc trường hợp được miễn một số điều kiện khi xin nhập quốc tịch Việt Nam gồm:</i></p> <p><i>i) Giấy chứng nhận kết hôn hoặc Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để chứng minh có vợ, chồng là công dân Việt Nam;</i></p> <p><i>ii) Giấy khai sinh hoặc Trích lục khai sinh để chứng minh có cha đẻ, mẹ đẻ, con đẻ là công dân Việt Nam.</i></p> <p>+ <i>Giấy khai sinh hoặc Trích lục khai sinh của con chưa thành niên xin nhập quốc tịch Việt Nam theo cha mẹ.</i></p> <p><i>Đối với giấy tờ cho phép thay thế bằng việc sử dụng dữ liệu, cơ quan thụ lý hồ sơ có trách nhiệm khai thác trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử trên cơ sở thông tin do người dân cung cấp. Trường hợp không khai</i></p>		

	<i>thác được hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì có văn bản gửi cho người xin nhập quốc tịch Việt Nam để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ.</i>		
3.3	Số lượng hồ sơ		
	03 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	<p>105 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn Sở Tư pháp gửi văn bản đề nghị cơ quan Công an Thành phố xác minh về nhân thân của người xin nhập quốc tịch Việt Nam: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, - Thời hạn cơ quan Công an Thành phố có trách nhiệm xác minh và gửi kết quả đến Sở Tư pháp: 30 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, - Thời hạn Sở Tư pháp có trách nhiệm hoàn tất hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả xác minh. - Thời hạn Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm xem xét, kết luận và đề xuất ý kiến gửi Bộ Tư pháp: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp <p>1. Đối với trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam xin thôi quốc tịch nước ngoài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn Bộ Tư pháp kiểm tra lại hồ sơ, gửi thông báo bằng văn bản cho người xin nhập quốc tịch Việt Nam: 20 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố - Thời hạn Bộ trưởng Bộ Tư pháp thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy cho thôi quốc tịch nước ngoài của người xin nhập quốc tịch Việt Nam. <p>2. Đối với trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam xin giữ quốc tịch nước ngoài, người xin nhập quốc tịch Việt Nam là người không quốc tịch:</p> <p>Thời hạn Bộ Tư pháp kiểm tra lại hồ sơ, thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định: 20 ngày, kể từ ngày nhận được đề xuất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn Chủ tịch nước xem xét, quyết định: 30 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Thủ tướng Chính phủ. 		
3.5	<i>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:</i>		
	<ul style="list-style-type: none"> - Người nước ngoài và người không quốc tịch đang thường trú ở trong nước có đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam thì có thể được nhập quốc tịch Việt Nam, nếu có đủ các điều kiện sau đây: <ul style="list-style-type: none"> + Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam, trừ trường hợp là người chưa thành niên xin nhập quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ, người chưa thành niên có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam; + Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật Việt Nam; tôn trọng văn hóa, truyền thống, phong tục, tập quán của dân tộc Việt Nam; + Biết tiếng Việt đủ để hoà nhập vào cộng đồng Việt Nam; + Đang thường trú ở Việt Nam; + Thời gian thường trú ở Việt Nam từ 05 năm trở lên tính đến thời điểm xin nhập quốc tịch Việt Nam; + Có khả năng bảo đảm cuộc sống tại Việt Nam. - Người xin nhập quốc tịch Việt Nam có vợ hoặc chồng hoặc có con đẻ là công dân Việt 		

	<p>Nam thì có thể được nhập quốc tịch Việt Nam mà không phải đáp ứng các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Biết tiếng Việt đủ để hoà nhập vào cộng đồng Việt Nam; + Thời gian thường trú ở Việt Nam từ 05 năm trở lên tính đến thời điểm xin nhập quốc tịch Việt Nam; + Có khả năng bảo đảm cuộc sống tại Việt Nam. <p>- Người xin nhập quốc tịch Việt Nam thuộc một trong những trường hợp (có cha đẻ hoặc mẹ đẻ hoặc ông nội và bà nội hoặc ông ngoại và bà ngoại là công dân Việt Nam; có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam; có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và người chưa thành niên xin nhập quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ) có thể được nhập quốc tịch Việt Nam mà không phải đáp ứng các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Biết tiếng Việt đủ để hoà nhập vào cộng đồng Việt Nam; + Đang thường trú ở Việt Nam; + Thời gian thường trú ở Việt Nam từ 05 năm trở lên tính đến thời điểm xin nhập quốc tịch Việt Nam; + Có khả năng bảo đảm cuộc sống tại Việt Nam. <p>- Người xin nhập quốc tịch Việt Nam thuộc những trường hợp (có vợ hoặc chồng hoặc có con đẻ là công dân Việt Nam; có cha đẻ hoặc mẹ đẻ hoặc ông nội và bà nội hoặc ông ngoại và bà ngoại là công dân Việt Nam; có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam; có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; người chưa thành niên xin nhập quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ) được giữ quốc tịch nước ngoài nếu đáp ứng các điều kiện sau đây và được Chủ tịch nước cho phép:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Việc giữ quốc tịch nước ngoài phù hợp với pháp luật của nước đó; + Không sử dụng quốc tịch nước ngoài để gây phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân, xâm hại an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. <p>Trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài mà không đáp ứng đầy đủ điều kiện được giữ theo quy định thì phải thôi quốc tịch nước ngoài.</p> <p>- Người xin nhập quốc tịch Việt Nam phải có tên bằng tiếng Việt hoặc bằng tiếng dân tộc khác của Việt Nam. Trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài thì có thể lựa chọn tên ghép giữa tên Việt Nam và tên nước ngoài. Tên do người xin nhập quốc tịch Việt Nam lựa chọn và được ghi rõ trong Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam.</p> <p>- Người xin nhập quốc tịch Việt Nam không được nhập quốc tịch Việt Nam, nếu việc đó làm phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam.</p>
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả
	<p>Công Dịch vụ công Quốc gia - Trung tâm Phục vụ Hành chính công; Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC (Theo thông báo của cấp có thẩm quyền)</p>
3.6	Lệ phí
	<p>3.000.000 đồng. Miễn lệ phí đối với những trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam (phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước CHXH Việt Nam hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó). - Người không quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của UBND cấp xã nơi cư trú.

	<i>- Hỗ trợ 100% mức phí, lệ phí đối với các thủ tục hành chính có mức thu do Bộ Tài chính quy định khi thực hiện trên Dịch vụ công trực tuyến (không bao gồm phí thẩm định hồ sơ)</i>				
3.7	Quy trình xử lý				
Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị/ Người thực hiện	Thời hạn xử lý (ngày làm việc)	Biểu mẫu/Kết quả	Ghi chú
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển hồ sơ về bộ phận giải quyết hồ sơ	Cán bộ thụ lý hồ sơ	0,5 ngày		
	Kiểm tra hồ sơ, gửi văn bản xác minh nhân thân	Cán bộ giải quyết hồ sơ của Sở Tư pháp	4,5 ngày		
B2	Xác minh nhân thân và trả lời kết quả xác minh	Cán bộ Công an cấp tỉnh	30 ngày		
B3	Nhận kết quả xác minh, hoàn tất hồ sơ	Cán bộ giải quyết hồ sơ của Sở Tư pháp	05 ngày		
	Xét duyệt hồ sơ, ký văn bản trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Lãnh đạo Sở Tư pháp			
B4	Kiểm tra hồ sơ, trình Chủ tịch UBND tỉnh	Cán bộ của UBND tỉnh	05 ngày		
	Xem xét, kết luận và ký văn bản đề xuất ý kiến gửi Bộ Tư pháp	Chủ tịch UBND tỉnh			
B5.1 (<i>đối với hồ sơ phải thôi quốc tịch nước ngoài</i>)	Kiểm tra lại hồ sơ, gửi thông báo bằng văn bản cho người xin nhập quốc tịch Việt Nam để làm thủ tục xin thôi quốc tịch nước ngoài	Cán bộ Cục Hành chính tư pháp	20 ngày		Từ chối giải quyết hồ sơ nếu hồ sơ chưa đầy đủ, người xin nhập quốc tịch Việt Nam chưa đáp ứng đầy đủ điều kiện nhập QTVN
Bổ sung giấy cho thôi quốc tịch nước ngoài (thời hạn 09 tháng)					
	Hoàn tất hồ sơ sau khi nhận được giấy cho thôi quốc tịch nước ngoài,	Cán bộ Cục Hành chính tư pháp	10 ngày		

	trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp				
	Xét duyệt hồ sơ, thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định	Bộ trưởng Bộ Tư pháp			
	Chuyển phát hành Tờ trình tại Văn phòng Chính phủ	Cán bộ Vụ Pháp luật, Văn phòng Chính phủ			
B5.2 (đối với hồ sơ xin giữ quốc tịch nước ngoài hoặc người không tịch)	Kiểm tra lại hồ sơ, trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Cán bộ Cục Hành chính tư pháp	20 ngày		<p>- Từ chối giải quyết hồ sơ nếu hồ sơ chưa đầy đủ, người xin nhập quốc tịch Việt Nam chưa đáp ứng đầy đủ điều kiện nhập QTVN</p> <p>- Nếu thấy hồ sơ phức tạp hoặc liên quan đến an ninh chính trị, Bộ Tư pháp lấy ý kiến của bộ, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan trước khi báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định.</p>
	Xét duyệt hồ sơ, thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định	Bộ trưởng Bộ Tư pháp			
	Chuyển phát hành Tờ trình tại Văn phòng Chính phủ	Cán bộ Vụ Pháp luật, Văn phòng Chính phủ			
B6	Kiểm tra lại hồ sơ, trình Chủ tịch nước	Cán bộ Văn phòng Chủ tịch nước	30 ngày		
	Xem xét, ký quyết định	Chủ tịch nước			
Tổng thời gian giải quyết			- 105 ngày đối với hồ sơ phải thôi quốc tịch nước ngoài;	Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam	Thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền kể từ

		- 95 ngày đối với hồ sơ xin giữ quốc tịch nước ngoài hoặc người không quốc tịch.		ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ
4	Biểu mẫu			
	Hệ thống Biểu mẫu (Thông tư số 12 /2025/TT-BTP của Bộ Tư pháp)			
	<p>Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam (Mẫu TP/QT-2025-ĐXNQ.T.1).</p> <p>Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam dùng cho người đại diện theo pháp luật làm Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện (Mẫu TP/QT-2025-ĐXNQ.T.2).</p> <p>Bản khai lý lịch (Mẫu TP/QT- 2025 - BKLL).</p> <p>Văn bản thoả thuận thay đổi quốc tịch cho con chưa thành niên (Mẫu TP/QT-2025-VBTT).</p> <p>Bản cam kết (Mẫu TP/QT-2025-VBCK).</p> <p>Bản cam đoan (Mẫu TP/QT-2025-VBCĐ).</p>			
	Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam (TP/QT-2025-XNNGVN).			

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh 4 x 6
(chụp không
quá 6 tháng)

ĐƠN XIN NHẬP QUỐC TỊCH VIỆT NAM

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Họ, chữ đệm và tên (1):Giới tính:.....
Ngày, tháng, năm sinh:
Nơi sinh (2):
Nơi đăng ký khai sinh (3):
Quốc tịch hiện nay (4):
Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế: số:
do:..... cấp ngày.....tháng.....năm.....
Ngày, tháng, năm nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có):/...../.....
Nơi cư trú:

Thẻ thường trú số (5):.....do:.....
..... cấp ngày.....tháng.....năm.....

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi tự nguyện làm Đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép tôi được nhập quốc tịch Việt Nam.

Mục đích xin nhập quốc tịch Việt Nam:

.....
.....
.....

Việc xin nhập quốc tịch Việt Nam thuộc diện được miễn một số điều kiện quy định tại Điều 19 Luật Quốc tịch Việt Nam (6):

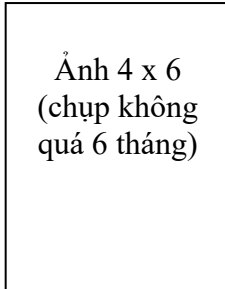
- Có vợ hoặc chồng hoặc có con đẻ là công dân Việt Nam	<input type="checkbox"/>
- Có cha đẻ hoặc mẹ đẻ hoặc ông nội và bà nội hoặc ông ngoại và bà ngoại là công dân Việt Nam	<input type="checkbox"/>
- Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam	<input type="checkbox"/>
- Có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	<input type="checkbox"/>

Nếu được nhập quốc tịch Việt Nam, tôi xin lấy tên là (7):

Nếu được nhập quốc tịch Việt Nam, tôi xin cam đoan trung thành với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân Việt Nam theo quy định của Hiến pháp và pháp luật Việt Nam.

Tôi cũng xin nhập quốc tịch Việt Nam cho con chưa thành niên sinh sống cùng tôi có tên dưới đây (nếu có) (8):

Con thứ nhất:

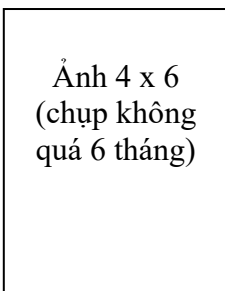


Họ, chữ đệm và tên (1):Giới tính:.....
 Ngày, tháng, năm sinh:
 Nơi sinh (2):
 Nơi đăng ký khai sinh (3):.....
 Quốc tịch hiện nay (4):
 Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:.....số:.....
 do:..... cấp ngày.....tháng.....năm.....
 Ngày, tháng, năm nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có):

 Nơi cư trú:

 Thẻ thường trú số (5):.....do:.....
 cấp ngày.....tháng.....năm.....
 Nếu được nhập quốc tịch Việt Nam, xin lấy tên là (7):

Con thứ hai:



Họ, chữ đệm và tên (1):Giới tính:
 Ngày, tháng, năm sinh:
 Nơi sinh (2):
 Nơi đăng ký khai sinh (3):
 Quốc tịch hiện nay (4):
 Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:số:.....
 do:..... cấp ngày.....tháng.....năm.....
 Ngày, tháng, năm nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có):

Nơi cư trú:

.....

Thẻ thường trú số (5):.....do:.....

..... cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nếu được nhập quốc tịch Việt Nam, xin lấy tên là (7):

Con thứ

.....

Liên quan đến quốc tịch hiện nay (9):

<p>Tôi xin cam kết sẽ làm thủ tục thôi quốc tịch hiện nay của mình và của con chưa thành niên nêu trên (nếu có)</p> <p style="text-align: center;"><input type="checkbox"/></p>	<p>Tôi tự xét thấy mình thuộc trường hợp được giữ quốc tịch hiện nay:</p> <p style="text-align: center;"><input type="checkbox"/></p>
	<p>Tôi xin đề nghị Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xem xét, cho phép tôi được nhập quốc tịch Việt Nam và được giữ quốc tịch hiện nay.</p> <p>Lý do xin giữ quốc tịch:.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai trong Đơn.

Giấy tờ kèm theo:

-

-

-

....., ngày tháng năm.....

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Chú thích:

- (1) Ghi bằng chữ in hoa theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế.
- (2) Ghi địa danh theo 02 cấp hành chính (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, quốc gia (nếu sinh ở nước ngoài).
Ví dụ: Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.
- (3) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh theo 02 cấp hành chính (nếu đăng ký khai sinh tại Việt Nam) hoặc ghi tên cơ quan có thẩm quyền nước ngoài tại thành phố, quốc gia (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài). Ví dụ: UBND phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội hoặc Chính quyền thành phố Postdam, CHLB Đức.
- (4) Trường hợp đang có quốc tịch nước ngoài thì ghi chính xác tên quốc gia mang quốc tịch theo phiên âm La-tinh hoặc phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Malaysia hoặc Ma-lai-xi-a; trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch. Đối với người không quốc tịch thì ghi rõ “không quốc tịch”.
- (5) Người xin nhập quốc tịch Việt Nam phải cung cấp thông tin Thẻ thường trú nếu nộp hồ sơ tại Sở Tư pháp.
- (6) Đánh dấu “X” vào ô tương ứng với điều kiện được miễn.
- (7) Người xin nhập quốc tịch Việt Nam phải lấy tên bằng tiếng Việt hoặc bằng tiếng dân tộc khác của Việt Nam. Trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài có thể lựa chọn tên ghép giữa tên Việt Nam và tên nước ngoài.
- (8) Trường hợp xin nhập quốc tịch Việt Nam cho con chưa thành niên sinh sống cùng thì ghi đầy đủ thông tin của từng người con.
- (9) Đánh dấu “X” vào 1 trong 2 lựa chọn, nếu người xin nhập quốc tịch Việt Nam đang có quốc tịch nước ngoài.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN NHẬP QUỐC TỊCH VIỆT NAM
**(Dùng cho người đại diện theo pháp luật làm Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam
cho người được đại diện)**

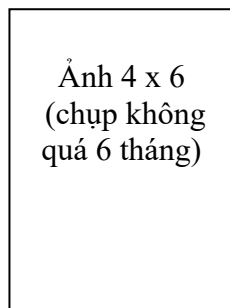
Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Người đại diện theo pháp luật:

Họ, chữ đệm và tên (1): Giới tính*:.....
 Ngày, tháng, năm sinh:
 Số định danh cá nhân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử
 (nếu có):
 Nơi sinh (2)*:
 Quốc tịch*:
 Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế: số:
 do:..... cấp ngày.....tháng.....năm.....
 Nơi cư trú*:

Quan hệ giữa người đại diện theo pháp luật và người được đại diện:
 Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi tự nguyện làm
 Đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép người
 có tên sau đây được nhập quốc tịch Việt Nam.

Người thứ nhất xin nhập quốc tịch Việt Nam:



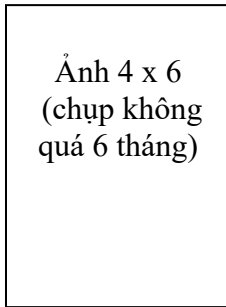
Họ, chữ đệm và tên (1):..... Giới tính:.....
 Ngày, tháng, năm sinh:.....
 Nơi sinh (2):
 Nơi đăng ký khai sinh (3):
 Quốc tịch hiện nay (4):
 Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:..... số:.....
 do:..... cấp ngày.....tháng.....năm.....
 Ngày, tháng, năm nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có):/...../.....
 Nơi cư trú:

Thẻ thường trú số (5):..... do:.....
 cấp ngày.....tháng.....năm.....

Mục đích xin nhập quốc tịch Việt Nam:

Nếu được nhập quốc tịch Việt Nam, xin lấy tên là (6):

Người thứ hai xin nhập quốc tịch Việt Nam:



Họ, chữ đệm và tên (1)..... Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh (2):

Nơi đăng ký khai sinh (3):

Quốc tịch hiện nay (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:.....số:.....

do:..... cấp ngày.....tháng.....năm.....

Ngày, tháng, năm nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có):/...../.....

Nơi cư trú:

Thẻ thường trú số (5):.....do:.....

..... cấp ngày.....tháng.....năm.....

Mục đích xin nhập quốc tịch Việt Nam:

Nếu được nhập quốc tịch Việt Nam, xin lấy tên là (6):

Người thứ xin nhập quốc tịch Việt Nam:

Việc xin nhập quốc tịch Việt Nam thuộc diện được miễn một số điều kiện quy định tại

Điều 19 Luật Quốc tịch Việt Nam (7):

- Có vợ hoặc chồng hoặc có con đẻ là công dân Việt Nam	<input type="checkbox"/>
- Có cha đẻ hoặc mẹ đẻ hoặc ông nội và bà nội hoặc ông ngoại và bà ngoại là công dân Việt Nam	<input type="checkbox"/>
- Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam	<input type="checkbox"/>
- Có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	<input type="checkbox"/>

Liên quan đến quốc tịch hiện nay (8):

<p>Tôi xin cam kết sẽ làm thủ tục thôi quốc tịch hiện nay của người được đại diện.</p> <p style="text-align: center;"><input type="checkbox"/></p>	<p>Tôi tự xét thấy(9) thuộc trường hợp được giữ quốc tịch hiện nay:</p> <p style="text-align: center;"><input type="checkbox"/></p>
	<p>Tôi xin đề nghị Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xem xét, cho phép..... (9) được nhập quốc tịch Việt Nam mà vẫn giữ quốc tịch hiện nay. Lý do xin giữ quốc tịch:</p>

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai trong Đơn./.

Giấy tờ kèm theo:

-
-
-

....., ngày tháng năm.....

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Chú thích:

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin “Họ, chữ đệm và tên”, “ngày tháng năm sinh”, “Số định danh cá nhân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có)” thì người làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

(1) Ghi bằng chữ in hoa theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế.

(2) Ghi địa danh theo 02 cấp hành chính (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, quốc gia (nếu sinh ở nước ngoài).

Ví dụ: Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.

(3) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh theo 02 cấp hành chính (nếu đăng ký khai sinh tại Việt Nam) hoặc ghi tên cơ quan có thẩm quyền nước ngoài tại thành phố, quốc gia (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài). Ví dụ: UBND phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội hoặc Chính quyền thành phố Postdam, CHLB Đức.

(4) Trường hợp đang có quốc tịch nước ngoài thì ghi chính xác tên quốc gia mang quốc tịch theo phiên âm La - tinh hoặc phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Malaysia hoặc Ma-lai-xi-a; trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch. Đối với người không quốc tịch thì ghi rõ “không quốc tịch”.

(5) Người xin nhập quốc tịch Việt Nam phải cung cấp thông tin giấy tờ này nếu nộp hồ sơ tại Sở Tư pháp.

(6) Người xin nhập quốc tịch Việt Nam phải lấy tên bằng tiếng Việt hoặc bằng tiếng dân tộc khác của Việt Nam. Trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài có thể lựa chọn tên ghép giữa tên Việt Nam và tên nước ngoài.

(7) Đánh dấu “X” vào ô tương ứng với điều kiện được miễn.

(8) Đánh dấu “X” vào 1 trong 2 lựa chọn, nếu người xin nhập quốc tịch Việt Nam đang có quốc tịch nước ngoài.

(9) Ghi họ, chữ đệm và tên của người được đại diện.

Ảnh 4 x 6
(chụp không
quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN KHAI LÝ LỊCH
(Dùng cho trường hợp giải quyết các việc về quốc tịch)

Họ, chữ đệm và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

.....

Hộ chiếu Việt Nam (nếu có): do.....

..... cấp ngày tháng.....năm.....

Nơi làm việc:

.....

TÓM TẮT VỀ BẢN THÂN

(ghi rõ thông tin từ trước tới nay, quá trình sinh sống, làm gì, ở đâu?)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

TÓM TẮT VỀ NGƯỜI THÂN THÍCH

Ông nội (1):

Họ, chữ đệm và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Bà nội (1):

Họ, chữ đệm và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

Ông ngoại (1):

Họ, chữ đệm và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

Bà ngoại (1):

Họ, chữ đệm và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

Người cha:

Họ, chữ đệm và tên*:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

Người mẹ:

Họ, chữ đệm và tên*:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

Vợ/chồng:

Họ, chữ đệm và tên*:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm và tên*:..... Giới tính *:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có)*:

Quốc tịch* :.....
 Nơi cư trú hiện nay :.....

Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm và tên* :..... Giới tính * :.....
 Ngày, tháng, năm sinh :.....
 Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có) :

Con thứ

Anh/chị/em ruột thứ nhất:

Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm và tên :..... Giới tính :.....
 Ngày, tháng, năm sinh :.....
 Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có) :

Anh/chị/em ruột thứ hai:

Họ, chữ đệm và tên :..... Giới tính :.....
 Ngày, tháng, năm sinh :.....
 Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có) :

Anh/chị/em ruột thứ

(Nếu số lượng con, anh/chị/em ruột nhiều hơn 02 người thì người khai lập bản khai bổ sung khai đầy đủ thông tin của từng thành viên).

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình./.

....., ngày tháng năm

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Chú thích:

(1): Chỉ khai trong trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam có ông nội và bà nội hoặc ông ngoại và bà ngoại là công dân Việt Nam.

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin “Họ, chữ đệm và tên”, “ngày tháng năm sinh”, “Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có)” thì công chức làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**VĂN BẢN THỎA THUẬN THAY ĐỔI QUỐC TỊCH
CHO CON CHƯA THÀNH NIÊN**

Kính gửi (1):

1. Người cha:

Họ, chữ đệm và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Căn cước công dân/Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị thay thế (2):

số.....do.....

..... cấp ngày..... thángnăm

Quốc tịch:

Nơi cư trú hiện nay:.....

2. Người mẹ:

Họ, chữ đệm và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Căn cước công dân/Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị thay thế (2):

số.....do.....

..... cấp ngày..... thángnăm

Quốc tịch:

Nơi cư trú hiện nay:.....

Bằng văn bản này, chúng tôi đồng ý cho con của chúng tôi là:

- Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Căn cước công dân/Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị thay thế (2):

số.....do.....

..... cấp ngày..... thángnăm

Nơi cư trú hiện nay:.....

- Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Căn cước công dân/Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị thay thế (2):

số.....do.....

..... cấp ngày..... thángnăm

Nơi cư trú hiện nay:.....

- Con thứ:

Nội dung thoả thuận

.....
.....
.....

Chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã thỏa thuận nêu trên./.

Làm tại, ngày tháng năm

Người cha

(ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Người mẹ

(ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Người con (từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi)

(ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Chú thích:

- (1) Tên cơ quan thụ lý hồ sơ quốc tịch.
- (2) Ghi rõ tên loại giấy tờ, số, nơi cấp, ngày cấp. Ví dụ: Hộ chiếu Việt Nam số C0123456 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 01/7/2024.
- (3) Ghi rõ nội dung thoả thuận phù hợp với loại việc đề nghị giải quyết.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT (1)

Kính gửi (2):

.....

Họ, chữ đệm và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi cư trú:

.....

.....

Căn cước công dân/Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị thay thế (3):

số.....do.....

..... cấp ngày..... thángnăm

Quốc tịch:

Tôi xin cam kết:

.....

.....

.....

.....

Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã cam kết nêu trên./.

Làm tại, ngày tháng năm

Người cam kết

(ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Chú thích:

(1) Văn bản này được sử dụng khi thực hiện các thủ tục quốc tịch có quy định về cam kết.

(2) Tên cơ quan thụ lý hồ sơ quốc tịch.

(3) Ghi rõ tên, số, nơi cấp, ngày cấp giấy tờ tùy thân. Ví dụ: Hộ chiếu Việt Nam số C0123456 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 01/7/2024.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CAM ĐOAN (1)

Kính gửi (2):

.....

Họ, chữ đệm và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi cư trú:

.....

.....

Căn cước công dân/Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị thay thế (3):

số.....do.....

..... cấp ngày..... tháng năm

Nội dung cam đoan ...

.....

.....

.....

.....

.....

Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã cam kết nêu trên./.

Làm tại ngày tháng năm

Người cam đoan

(ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Chú thích:

(1) Văn bản này được sử dụng khi thực hiện các thủ tục quốc tịch có quy định về cam đoan.

(2) Tên cơ quan thụ lý hồ sơ quốc tịch.

(3) Ghi rõ tên, số, nơi cấp, ngày cấp giấy tờ tùy thân. Ví dụ: Hộ chiếu Việt Nam số C0123456 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 01/7/2024.

3. Trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước (2.002038)

1	Mục đích		
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức giải quyết hồ sơ Xin trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước.		
2	Phạm vi		
	<p>Áp dụng đối với cá nhân xin trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước.</p> <p>Sở Tư pháp, Văn phòng UBND Thành phố, <i>Trung tâm Phục vụ hành chính công, Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC theo thông báo của cấp có thẩm quyền (sau đây gọi chung là Bộ phận Một cửa) và công chức Bộ phận Một cửa, công chức, người lao động được bố trí tham gia trong quá trình tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả chịu trách nhiệm thực hiện Quy trình này.</i></p>		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2025. - <i>Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu - Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008.</i> - Nghị định số 191/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam. - <i>Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp</i> - Thông tư số 12/2025/TT-BTP ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch. - <i>Quyết định số 3713/QĐ-BTP ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</i> - <i>Nghị quyết 77/2025/NQ-HĐND ngày 27/11/2025 của HĐND thành phố Hà Nội về việc thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố trên địa bàn thành phố Hà Nội.</i> - <i>Quyết định số 1099/QĐ-TTPVHCC ngày 25/7/2025 của Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố danh mục TTHC mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực quốc tịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp thành phố Hà Nội.</i> - <i>Quyết định số 216/QĐ-TTPVHCC ngày 13/02/2026 của Trung tâm Phục vụ hành chính công về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi bổ sung lĩnh vực Hộ tịch, Quốc tịch, Chứng thực, Nuôi con nuôi, Hòa giải ở cơ sở, Bồi thường nhà nước, Trợ giúp pháp lý thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp thành phố Hà Nội.</i> 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam	X	

	Giấy khai sinh, Hộ chiếu hoặc giấy tờ khác có giá trị thay thế. <i>Việc nộp bản sao Giấy khai sinh hoặc Trích lục khai sinh chỉ thực hiện trong trường hợp cơ quan tiếp nhận không thể khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác.</i>		X
	Bản khai lý lịch	X	
	Giấy tờ chứng minh thông tin lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp phù hợp với pháp luật của nước đó đối với thời gian người xin trở lại quốc tịch Việt Nam cư trú ở nước ngoài. Giấy tờ chứng minh thông tin lý lịch tư pháp được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ;	X	
	<p>- Giấy tờ chứng minh người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đã từng có quốc tịch Việt Nam là một trong các giấy tờ sau:</p> <p>+ Giấy tờ chứng minh đã được Chủ tịch nước cho thôi quốc tịch hoặc bị tước quốc tịch Việt Nam;</p> <p>+ Giấy tờ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp, xác nhận, trong đó có ghi quốc tịch Việt Nam hoặc giấy tờ có giá trị chứng minh quốc tịch Việt Nam trước đây của người đó.</p> <p><i>(Đối với giấy tờ chứng minh nhân thân, chứng minh từng có quốc tịch Việt Nam là Giấy khai sinh hoặc Trích lục khai sinh, chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc Thẻ căn cước, người yêu cầu có thể cung cấp thông tin về giấy tờ (số, ngày cấp, nơi cấp) để cơ quan thụ lý hồ sơ khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thay cho giấy tờ phải nộp)</i></p>		X
	- Trường hợp người xin trở lại quốc tịch Việt Nam vì lý do đã thôi quốc tịch Việt Nam để nhập quốc tịch nước ngoài, nhưng không được nhập quốc tịch nước ngoài thì phải có giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp xác nhận rõ về lý do không được nhập quốc tịch nước ngoài. Trong trường hợp không được nhập quốc tịch nước ngoài là do lỗi của người đó thì phải có văn bản bảo lãnh của một trong những người là cha, mẹ, vợ, chồng, con hoặc anh, chị, em ruột là công dân Việt Nam đang thường trú tại Việt Nam, kèm theo đơn của người đó tự nguyện về cư trú tại Việt Nam.		X
	Con chưa thành niên cùng trở lại quốc tịch Việt Nam theo cha mẹ thì phải nộp bản sao Giấy khai sinh của người con hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con, trong trường hợp cơ quan tiếp nhận không thể khai thác được thông tin chứng minh quan hệ cha, mẹ, con trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp chỉ người cha hoặc người mẹ trở lại quốc tịch Việt Nam và con chưa thành niên sống cùng người đó trở lại quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ thì phải nộp văn bản thỏa thuận có đủ chữ ký của cha mẹ về việc xin trở lại quốc tịch Việt Nam cho con. Văn bản thỏa thuận không phải chứng thực chữ ký; người đứng đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam cho con phải chịu trách nhiệm về tính chính xác chữ ký của người		X

	<p>kia.</p> <p>Trường hợp cha, mẹ đã chết, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự thì văn bản thỏa thuận được thay thế bằng giấy tờ chứng minh cha, mẹ đã chết, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.</p>		
	<p>- Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài phải có giấy tờ sau:</p> <p>+ Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp về việc giữ quốc tịch nước ngoài phù hợp với pháp luật của nước đó. Trường hợp pháp luật nước ngoài không quy định việc cấp loại giấy tờ này thì người đó phải có bản cam đoan về việc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài không quy định việc cấp loại giấy tờ này và việc xin giữ quốc tịch nước ngoài khi trở lại quốc tịch Việt Nam là phù hợp với pháp luật của nước ngoài đó;</p> <p>+ Bản cam kết không sử dụng quốc tịch nước ngoài để gây phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân, xâm hại an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>Trường hợp người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài mà không đáp ứng đầy đủ điều kiện quy định tại khoản 5 Điều 23 Luật Quốc tịch Việt Nam thì phải thôi quốc tịch nước ngoài</p>		X
	<p>*Lưu ý:</p> <p>Giấy tờ có trong hồ sơ xin trở lại quốc tịch Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.</p> <p>- Giấy tờ trong hồ sơ xin trở lại quốc tịch Việt Nam bằng tiếng nước ngoài phải được dịch sang tiếng Việt; bản dịch phải được chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật Việt Nam.</p> <p>- Trường hợp pháp luật quy định giấy tờ phải nộp là bản sao thì người xin trở lại quốc tịch Việt Nam có thể nộp giấy tờ là bản chụp từ bản chính; bản sao được chứng thực từ bản chính; bản sao được cấp từ sổ gốc; bản điện tử các giấy tờ này; giấy tờ được tích hợp, hiển thị trên Ứng dụng định danh điện tử (VNeID). Nếu nộp bản chụp từ bản chính thì phải có bản chính để đối chiếu; người thụ lý hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản sao với bản chính và ký xác nhận đã đối chiếu.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ được gửi qua hệ thống bưu chính thì bản sao giấy tờ phải được chứng thực từ bản chính hoặc được cấp từ sổ gốc; Đơn, Tờ khai, Bản khai lý lịch phải được chứng thực chữ ký theo quy định của pháp luật.</p> <p>- Đối với giấy tờ cho phép thay thế bằng việc sử dụng dữ liệu, cơ quan thụ lý hồ sơ có trách nhiệm khai thác trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trên cơ sở thông tin do người dân</p>		

	<p><i>cung cấp.</i></p> <p><i>Trường hợp không khai thác được hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì thực hiện như sau:</i></p> <p>+ <i>Trường hợp người yêu cầu nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tiếp nhận hồ sơ, cơ quan thụ lý có thông báo cho người xin trở lại quốc tịch Việt Nam để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Việc thông báo được thực hiện bằng một hoặc nhiều phương thức: gửi đến tài khoản cá nhân trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; gửi tin nhắn hoặc liên hệ qua số điện thoại, hộp thư điện tử do người yêu cầu cung cấp.</i></p> <p>+ <i>Trường hợp người yêu cầu nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính, không quá 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, cơ quan thụ lý có văn bản gửi cho người người xin trở lại quốc tịch Việt Nam để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.</i></p>		
3.3	Số lượng hồ sơ		
	03 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	85 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)		
3.5	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính		
	<p>- Người đã mất quốc tịch Việt Nam theo quy định tại Điều 26 Luật Quốc tịch Việt Nam có đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam thì được xem xét giải quyết trở lại quốc tịch Việt Nam.</p> <p>- Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam không được trở lại quốc tịch Việt Nam, nếu việc đó làm phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam.</p> <p>- Trường hợp người bị tước quốc tịch Việt Nam xin trở lại quốc tịch Việt Nam thì phải sau ít nhất 5 năm, kể từ ngày bị tước quốc tịch mới được xem xét cho trở lại quốc tịch Việt Nam.</p> <p>- Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam phải lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây. Trường hợp người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài thì có thể lựa chọn tên ghép giữa tên Việt Nam và tên nước ngoài. Tên gọi này phải được ghi rõ trong Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam.</p> <p>- Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam được giữ quốc tịch nước ngoài nếu đáp ứng các điều kiện sau đây và được Chủ tịch nước cho phép:</p> <p>+ Việc giữ quốc tịch nước ngoài phù hợp với pháp luật của nước đó;</p> <p>+ Không sử dụng quốc tịch nước ngoài để gây phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân, xâm hại an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>Trường hợp người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài mà không đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định thì phải thôi quốc tịch nước ngoài.</p>		
3.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	Cổng Dịch vụ công Quốc gia - Trung tâm Phục vụ hành chính công, Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC (Theo thông báo của cấp có thẩm quyền)		
3.7	Lệ phí		
	<p>2.500.000 đồng.</p> <p>Miễn lệ phí đối với những trường hợp sau:</p> <p>- Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam (phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, Danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng</p>		

	hòa miền Nam Việt Nam, CHXHCN Việt Nam hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó). - Người mất quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú. - <i>Hỗ trợ 100% mức phí, lệ phí đối với các thủ tục hành chính có mức thu do Bộ Tài chính quy định khi thực hiện trên Dịch vụ công trực tuyến (không bao gồm phí thẩm định hồ sơ)</i>				
3.8	Quy trình xử lý				
Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị/ Người thực hiện	Thời hạn xử lý (ngày làm việc)	Biểu mẫu/Kết quả	Ghi chú
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển hồ sơ về bộ phận giải quyết hồ sơ	Cán bộ thụ lý hồ sơ	0,5 ngày		
	Kiểm tra hồ sơ, gửi văn bản xác minh nhân thân	Cán bộ giải quyết hồ sơ của Sở Tư pháp	4,5 ngày		
B2	Xác minh nhân thân và trả lời kết quả xác minh	Cán bộ Công an cấp tỉnh	20 ngày		
B3	Nhận kết quả xác minh, hoàn tất hồ sơ	Cán bộ giải quyết hồ sơ của Sở Tư pháp	05 ngày		
	Xét duyệt hồ sơ, ký văn bản trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Lãnh đạo Sở Tư pháp			
B4	Kiểm tra hồ sơ, trình Chủ tịch UBND tỉnh	Cán bộ của UBND tỉnh	05 ngày		
	Xem xét, kết luận và ký văn bản đề xuất ý kiến gửi Bộ Tư pháp	Chủ tịch UBND tỉnh			
B5.1 <i>(đối với hồ sơ phải thôi tịch nước ngoài)</i>	Kiểm tra lại hồ sơ, gửi thông báo bằng văn bản cho người xin trở lại quốc tịch Việt Nam để làm thủ tục xin thôi tịch nước ngoài	Cán bộ Cục Hành chính tư pháp	20 ngày		Từ chối giải quyết hồ sơ nếu hồ sơ chưa đầy đủ, người xin trở lại quốc tịch Việt Nam chưa đáp ứng đầy đủ điều kiện trở lại QTVN

Bổ sung giấy cho thôi quốc tịch nước ngoài (thời hạn 09 tháng)					
	Hoàn tất hồ sơ sau khi nhận được giấy cho thôi quốc tịch nước ngoài, trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Cán bộ Cục Hành chính tư pháp	10 ngày		
	Xét duyệt hồ sơ, thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định	Bộ trưởng Bộ Tư pháp			
	Chuyển phát hành Tờ trình tại Văn phòng Chính phủ	Cán bộ Vụ Pháp luật, Văn phòng Chính phủ			
B5.2 (đổi với hồ sơ xin giữ quốc tịch nước ngoài hoặc người không tịch)	Kiểm tra lại hồ sơ, trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Cán bộ Cục Hành chính tư pháp	15 ngày		<ul style="list-style-type: none"> - Từ chối giải quyết hồ sơ nếu hồ sơ chưa đầy đủ, người xin trở lại quốc tịch Việt Nam chưa đáp ứng đầy đủ điều kiện trở lại QTVN - Nếu thấy hồ sơ phức tạp hoặc liên quan đến an ninh chính trị, Bộ Tư pháp lấy ý kiến của bộ, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan trước khi báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định.
	Xét duyệt hồ sơ, thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định	Bộ trưởng Bộ Tư pháp			
	Chuyển phát hành Tờ trình tại Văn phòng Chính phủ	Cán bộ Vụ Pháp luật, Văn phòng Chính phủ			

B6	Kiểm tra lại hồ sơ, trình Chủ tịch nước	Cán bộ Văn phòng Chủ tịch nước	20 ngày		
	Xem xét, ký quyết định	Chủ tịch nước			
Tổng thời gian giải quyết			<p>- 85 ngày đối với hồ sơ phải thôi quốc tịch nước ngoài;</p> <p>- 70 ngày đối với hồ sơ xin giữ quốc tịch nước ngoài hoặc người không quốc tịch.</p>	Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam	Thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ
4	Biểu mẫu				
	<p>Hệ thống Biểu mẫu (Thông tư số 12 /2025/TT-BTP của Bộ Tư pháp)</p> <p>Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam dùng cho người đại diện theo pháp luật làm Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện (Mẫu TP/QT- 2025- ĐXTLQT.2).</p> <p>Bản khai lý lịch (Mẫu TP/QT-2025-BKLL).</p> <p>Văn bản thoả thuận thay đổi quốc tịch cho con chưa thành niên (Mẫu TP/QT-2025-VBTT).</p> <p>Bản cam kết (Mẫu TP/QT-2025-VBCK).</p> <p>Bản cam đoan (Mẫu TP/QT-2025-VBCĐ).</p> <p>Mẫu điện tử tương tác Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam; Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam dùng cho người đại diện theo pháp luật làm Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện và Bản khai lý lịch (nếu nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến).</p>				

Ảnh 4 x 6
(chụp chưa
quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN TRỞ LẠI QUỐC TỊCH VIỆT NAM

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Họ, chữ đệm và tên (1):Giới tính* :.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử đã từng được cấp (nếu có):

Nơi sinh (2)*:

Nơi đăng ký khai sinh*/Ghi chú khai sinh (3):

Quốc tịch hiện nay (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:số:.....

do:..... cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú:

.....

Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có):

.....

Lý do mất quốc tịch Việt Nam (5):.....

(theo Quyết định số:.....ngày..... tháng..... năm.....

của.....).

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi tự nguyện làm Đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép tôi được trở lại quốc tịch Việt Nam.

Mục đích xin trở lại quốc tịch Việt Nam:

.....

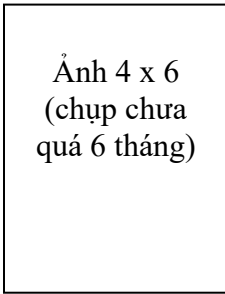
Nếu được trở lại quốc tịch Việt Nam, tôi xin lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây là (6):

.....

Nếu được trở lại quốc tịch Việt Nam, tôi xin cam đoan trung thành với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân Việt Nam theo quy định của Hiến pháp và pháp luật Việt Nam.

Tôi cũng xin trở lại (hoặc nhập) quốc tịch Việt Nam cho con chưa thành niên sinh sống cùng tôi có tên dưới đây (nếu có) (7):

Con thứ nhất:



Họ, chữ đệm và tên (1):Giới tính* :.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử đã từng được cấp (nếu có):

Nơi sinh (2)*:

Nơi đăng ký khai sinh*/Ghi chú khai sinh (3):

Quốc tịch hiện nay (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:số

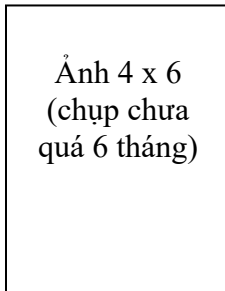
do:..... cấp ngày tháng năm

Nơi cư trú:

.....

Nếu được trở lại quốc tịch Việt Nam, xin lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây/nếu được nhập quốc tịch Việt Nam, xin lấy tên là (8).....

Con thứ hai:



Họ, chữ đệm và tên (1):Giới tính* :.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử đã từng được cấp (nếu có):

Nơi sinh (2)*:

Nơi đăng ký khai sinh*/Ghi chú khai sinh (3):.....

Quốc tịch hiện nay (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:số

do:..... cấp ngày tháng năm

Nơi cư trú:

.....

Nếu được trở lại quốc tịch Việt Nam, xin lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây/nếu được nhập quốc tịch Việt Nam, xin lấy tên là (8).....

Con thứ.....:

Liên quan đến quốc tịch hiện nay (9):

<p>Tôi xin cam kết sẽ làm thủ tục thôi quốc tịch hiện nay của mình và của con chưa thành niên nêu trên (nếu có)</p> <p style="text-align: center;"><input type="checkbox"/></p>	<p>Tôi tự xét thấy mình thuộc trường hợp được giữ quốc tịch hiện nay:</p> <p style="text-align: center;"><input type="checkbox"/></p>
	<p>Tôi xin đề nghị Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xem xét, cho phép tôi được trở lại quốc tịch Việt Nam và được giữ quốc tịch hiện nay.</p> <p>Lý do xin giữ quốc tịch:.....</p> <p>.....</p>

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai trong Đơn.

Giấy tờ kèm theo:ngày..... tháng năm.....

.....

-

-

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Chú thích:

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin “Họ, chữ đệm và tên”, “ngày tháng năm sinh”, “Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử đã từng được cấp (nếu có)” thì người làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

(1) Ghi bằng chữ in hoa theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế.

(2) Ghi địa danh theo 02 cấp hành chính (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia (nếu sinh ở nước ngoài).

Ví dụ: Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.

(3) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh theo 02 cấp hành chính (nếu thực hiện tại Việt Nam). Ví dụ: UBND phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Ghi tên cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài (nếu đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh tại cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài). Ví dụ: Đại sứ quán Việt Nam tại CHLB Đức.

Ghi tên cơ quan có thẩm quyền nước ngoài tại thành phố, quốc gia (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài). Ví dụ: Chính quyền thành phố Postdam, CHLB Đức.

(4) Trường hợp đang có quốc tịch nước ngoài thì ghi chính xác tên quốc gia mang quốc tịch theo phiên âm La - tinh hoặc phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Malaysia hoặc Ma-lai-xi-a; trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch. Đối với trường hợp đã thôi quốc tịch Việt Nam nhưng không được nhập quốc tịch nước ngoài thì ghi rõ “đã thôi quốc tịch Việt Nam nhưng không được nhập quốc tịch nước ngoài”.

(5) Nêu rõ lý do mất quốc tịch Việt Nam. Ví dụ: đã thôi quốc tịch Việt Nam.

(6) Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam phải lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây. Trường hợp người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài thì có thể lựa chọn tên ghép giữa tên Việt Nam và tên nước ngoài.

(7) Trường hợp xin trở lại/xin nhập quốc tịch Việt Nam cho con chưa thành niên sinh sống cùng thì ghi đầy đủ thông tin của từng người con.

(8) Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam phải lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây; người xin nhập quốc tịch Việt Nam phải có tên bằng tiếng Việt hoặc bằng tiếng dân tộc khác của Việt Nam; người xin trở lại (hoặc nhập) quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài thì có thể lựa chọn tên ghép giữa tên Việt Nam và tên nước ngoài.

(9) Đánh dấu “X” vào 1 trong 2 lựa chọn, nêu người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đang có quốc tịch nước ngoài.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN TRỞ LẠI QUỐC TỊCH VIỆT NAM
(Dùng cho người đại diện theo pháp luật làm Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện)

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Người đại diện theo pháp luật:

Họ, chữ đệm và tên (1):Giới tính* :.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Nơi sinh (2)*:

Quốc tịch* :

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:.....số:.....

do:..... cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú* :.....

.....

Quan hệ giữa người đại diện theo pháp luật và người được đại diện:.....

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi tự nguyện làm Đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép người có tên sau đây được trở lại quốc tịch Việt Nam.

Người thứ nhất xin trở lại quốc tịch Việt Nam:

Ảnh 4 x 6
của người xin
trở lại quốc
tịch Việt Nam
(chụp không
quá 6 tháng)

Họ, chữ đệm và tên (1):Giới tính* :.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử đã từng được cấp (nếu có):

Nơi sinh (2)*:

Nơi đăng ký khai sinh*/Ghi chú khai sinh (3):

Quốc tịch hiện nay (4):
 Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:số:.....
 do:..... cấp ngày.....tháng.....năm.....
 Nơi cư trú * :

Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có):

Lý do mất quốc tịch Việt Nam (5):.....
 (theo Quyết định số:.....ngày.....tháng.....năm.....
 của.....).

Mục đích xin trở lại quốc tịch Việt Nam:

Nếu được trở lại quốc tịch Việt Nam, xin lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây là (6):

Người thứ hai xin trở lại quốc tịch Việt Nam:

Ảnh 4 x 6
 của người xin
 trở lại quốc
 tịch Việt Nam
 (chụp không
 quá 6 tháng)

Họ, chữ đệm và tên (1):Giới tính* :.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử đã từng được cấp (nếu có):

Nơi sinh (2)* :

Nơi đăng ký khai sinh*/Ghi chú khai sinh (3):

Quốc tịch hiện nay (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:số:.....

do:..... cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú * :

Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có):

Lý do mất quốc tịch Việt Nam (5):.....

(theo Quyết định số:.....ngày.....tháng.....năm.....
 của.....).

Mục đích xin trở lại quốc tịch Việt Nam:

Nếu được trở lại quốc tịch Việt Nam, xin lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây là (6):

Người thứ... xin trở lại quốc tịch Việt Nam:

Liên quan đến quốc tịch hiện nay (7):

<p>Tôi xin cam kết sẽ làm thủ tục thôi quốc tịch hiện nay của người được đại diện</p> <p style="text-align: center;"><input type="checkbox"/></p>	<p>Tôi tự xét thấy việc xin trở lại quốc tịch Việt Nam của (8) thuộc trường hợp được giữ quốc tịch hiện nay:</p> <p style="text-align: center;"><input type="checkbox"/></p>
	<p>Tôi xin đề nghị Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xem xét, cho phép.....(8) được trở lại quốc tịch Việt Nam và được giữ quốc tịch hiện nay.</p> <p>Lý do xin giữ quốc tịch:</p> <p>.....</p> <p>.....</p>

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai trong Đơn./.

Giấy tờ kèm theo:

-
-
-

....., ngày tháng năm.....

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Chú thích:

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin “Họ, chữ đệm và tên”, “ngày tháng năm sinh”, “Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử đã từng được cấp (nếu có)” thì người làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

(1) Ghi bằng chữ in hoa theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế.

(2) Ghi địa danh theo 02 cấp hành chính (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia (nếu sinh ở nước ngoài).

Ví dụ: Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.

(3) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh theo 02 cấp hành chính (nếu thực hiện tại Việt Nam). Ví dụ: UBND phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Ghi tên cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài (nếu đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh tại cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài). Ví dụ: Đại sứ quán Việt Nam tại CHLB Đức.

Ghi tên cơ quan có thẩm quyền nước ngoài tại thành phố, quốc gia (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài). Ví dụ: Chính quyền thành phố Postdam, CHLB Đức.

(4) Trường hợp đang có quốc tịch nước ngoài thì ghi chính xác tên quốc gia mang quốc tịch theo phiên âm La - tinh hoặc phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Malaysia hoặc Ma-lai-xi-a; trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch. Đối với người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đã thôi quốc tịch Việt Nam nhưng không được nhập quốc tịch nước ngoài thì ghi rõ “đã thôi quốc tịch Việt Nam nhưng không được nhập quốc tịch nước ngoài”.

(5) Nêu rõ lý do mất quốc tịch Việt Nam. Ví dụ: đã thôi quốc tịch Việt Nam.

(6) Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam phải lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây. Trường hợp người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài thì có thể lựa chọn tên ghép giữa tên Việt Nam và tên nước ngoài.

(7) Đánh dấu “X” vào 1 trong 2 lựa chọn, nếu người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đang có quốc tịch nước ngoài.

(8) Ghi họ, chữ đệm, tên của người được đại diện.

Ảnh 4 x 6
(chụp không
quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN KHAI LÝ LỊCH

(Dùng cho trường hợp giải quyết các việc về quốc tịch)

Họ, chữ đệm và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

.....

Hộ chiếu Việt Nam (nếu có): do.....

..... cấp ngày tháng.....năm.....

Nơi làm việc:

.....

TÓM TẮT VỀ BẢN THÂN

(ghi rõ thông tin từ trước tới nay, quá trình sinh sống, làm gì, ở đâu?)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

TÓM TẮT VỀ NGƯỜI THÂN THÍCH

Ông nội (1):

Họ, chữ đệm và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Bà nội (1):

Họ, chữ đệm và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

Ông ngoại (1):

Họ, chữ đệm và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

Bà ngoại (1):

Họ, chữ đệm và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

Người cha:

Họ, chữ đệm và tên*:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

Người mẹ:

Họ, chữ đệm và tên*:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

Vợ/chồng:

Họ, chữ đệm và tên*:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm và tên*:..... Giới tính *:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có)*:

Quốc tịch* :.....
 Nơi cư trú hiện nay :.....

Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm và tên* :..... Giới tính * :.....
 Ngày, tháng, năm sinh :.....
 Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có) :

Con thứ:

Anh/chị/em ruột thứ nhất:

Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm và tên :..... Giới tính :.....
 Ngày, tháng, năm sinh :.....
 Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có) :

Anh/chị/em ruột thứ hai:

Họ, chữ đệm và tên :..... Giới tính :.....
 Ngày, tháng, năm sinh :.....
 Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có) :

Anh/chị/em ruột thứ:

(Nếu số lượng con, anh/chị/em ruột nhiều hơn 02 người thì người khai lập bản khai bổ sung khai đầy đủ thông tin của từng thành viên).
 Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình./.

....., ngày tháng năm

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Chú thích:

(1): Chỉ khai trong trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam có ông nội và bà nội hoặc ông ngoại và bà ngoại là công dân Việt Nam.

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin “Họ, chữ đệm và tên”, “ngày tháng năm sinh”, “Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có)” thì công chức làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**VĂN BẢN THỎA THUẬN THAY ĐỔI QUỐC TỊCH
CHO CON CHƯA THÀNH NIÊN**

Kính gửi (1):

1. Người cha:

Họ, chữ đệm và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Căn cước công dân/Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị thay thế (2):

số.....do.....

..... cấp ngày..... thángnăm

Quốc tịch:

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

2. Người mẹ:

Họ, chữ đệm và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Căn cước công dân/Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị thay thế (2):

số.....do.....

..... cấp ngày..... thángnăm

Quốc tịch:

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Bằng văn bản này, chúng tôi đồng ý cho con của chúng tôi là:

- Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Căn cước công dân/Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị thay thế (2):

số.....do.....

..... cấp ngày..... thángnăm

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

- Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Căn cước công dân/Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị thay thế (2):

số.....do.....

..... cấp ngày..... thángnăm

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

- Con thứ

Nội dung thoả thuận

.....
.....
.....

Chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã thoả thuận nêu trên./.

Làm tại, ngày tháng năm

Người cha

(ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Người mẹ

(ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Người con (từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi)

(ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Chú thích:

- (1) Tên cơ quan thụ lý hồ sơ quốc tịch.
- (2) Ghi rõ tên loại giấy tờ, số, nơi cấp, ngày cấp. Ví dụ: Hộ chiếu Việt Nam số C0123456 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 01/7/2024.
- (3) Ghi rõ nội dung thoả thuận phù hợp với loại việc đề nghị giải quyết.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT (1)

Kính gửi (2):

.....

Họ, chữ đệm và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi cư trú:

.....

.....

Căn cước công dân/Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị thay thế (3):

số.....do.....

..... cấp ngày..... thángnăm

Quốc tịch:

Tôi xin cam kết:

.....

.....

Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã cam kết nêu trên./.

Làm tại, ngày tháng năm

Người cam kết

(ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Chú thích:

(1) Văn bản này được sử dụng khi thực hiện các thủ tục quốc tịch có quy định về cam kết.

(2) Tên cơ quan thụ lý hồ sơ quốc tịch.

(3) Ghi rõ tên, số, nơi cấp, ngày cấp giấy tờ tùy thân. Ví dụ: Hộ chiếu Việt Nam số C0123456 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 01/7/2024.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CAM ĐOAN (1)

Kính gửi (2):

.....
Họ, chữ đệm và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi cư trú:

.....

.....

Căn cước công dân/Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị thay thế (3):

số.....do.....

..... cấp ngày..... tháng năm

Nội dung cam đoan ...

.....

.....

.....

.....

.....

Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã cam kết nêu trên./.

Làm tại ngày tháng năm

Người cam đoan

(ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Chú thích:

(1) Văn bản này được sử dụng khi thực hiện các thủ tục quốc tịch có quy định về cam đoan.

(2) Tên cơ quan thụ lý hồ sơ quốc tịch.

(3) Ghi rõ tên, số, nơi cấp, ngày cấp giấy tờ tùy thân. Ví dụ: Hộ chiếu Việt Nam số C0123456 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 01/7/2024.

NỘI DUNG MẪU QUỐC TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC XIN TRỞ LẠI QUỐC TỊCH VIỆT NAM

I. Thông tin về người xin trở lại quốc tịch Việt Nam

- (1) Ảnh 4 x 6 và chụp không quá 6 tháng;
- (2) Họ, chữ đệm và tên;
- (3) Giới tính;
- (4) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);
- (5) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (6) Nơi sinh;
- (7) Nơi đăng ký khai sinh/Ghi chú khai sinh (*Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh theo 02 cấp hành chính (nếu thực hiện tại Việt Nam). Ghi tên cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài (nếu đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh tại cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài). Ghi tên cơ quan có thẩm quyền nước ngoài tại thành phố, quốc gia (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài)*); bản chụp Giấy khai sinh đính kèm;
- (8) Quốc tịch hiện nay;
- (9) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (10) Nơi cư trú (nơi đang sinh sống);
- (11) Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có): (nơi đã thường trú/ nơi đã tạm trú/nơi đã sinh sống);
- (12) Lý do mất quốc tịch Việt Nam (theo Quyết định số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp, tách biệt riêng các trường thông tin);
- (13) Mục đích xin trở lại quốc tịch Việt Nam;
- (14) Tên gọi nếu được trở lại quốc tịch Việt Nam (người xin trở lại quốc tịch Việt Nam phải lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây. Trường hợp người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài thì có thể lựa chọn tên ghép giữa tên Việt Nam và tên nước ngoài).

II. Thông tin về con chưa thành niên sinh sống cùng xin trở lại (hoặc nhập) quốc tịch Việt Nam

Con thứ nhất:

- (15) Ảnh 4 x 6 và chụp không quá 6 tháng;
- (16) Họ, chữ đệm và tên;
- (17) Giới tính;
- (18) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);
- (19) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (20) Nơi sinh;
- (21) Nơi đăng ký khai sinh/Ghi chú khai sinh (*Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh theo 02 cấp hành chính (nếu thực hiện tại Việt Nam). Ghi tên cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài (nếu đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh tại cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài). Ghi tên cơ quan có thẩm quyền nước ngoài tại thành phố, quốc gia (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài)*); bản chụp Giấy khai sinh đính kèm;

(22) Quốc tịch hiện nay;

(23) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(24) Nơi cư trú (nơi đang sinh sống);

(25) Tên gọi nếu được trở lại (được nhập) quốc tịch Việt Nam (người xin trở lại quốc tịch Việt Nam phải lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây; người xin nhập quốc tịch Việt Nam phải có tên bằng tiếng Việt hoặc bằng tiếng dân tộc khác của Việt Nam; người xin trở lại/xin nhập quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài thì có thể lựa chọn tên ghép giữa tên Việt Nam và tên nước ngoài).

Con thứ:....

(26) Liên quan đến quốc tịch hiện nay:

- Cam kết làm thủ tục thôi quốc tịch hiện nay của mình và của con chưa thành niên (nếu có)

- Thuộc trường hợp được xin giữ quốc tịch hiện nay

(27) Lý do xin giữ quốc tịch.

* Người yêu cầu cam đoan trung thành trung thành với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân Việt Nam theo quy định của Hiến pháp và pháp luật Việt Nam; cam đoan về các thông tin cung cấp và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVD, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam nhận bản điện tử Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam.

Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người xin trở lại quốc tịch Việt Nam khi đã hoàn tất thủ tục xin trở lại quốc tịch Việt Nam tại cơ quan thụ lý hồ sơ.

4. Thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước (2.002036)

1	Mục đích: Quy trình này quy định trình tự và cách thức Giải quyết hồ sơ xin thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước		
2	Phạm vi: Áp dụng đối với cá nhân xin thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước Sở Tư pháp, Văn phòng UBND Thành phố, <i>Trung tâm Phục vụ hành chính công, Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC theo thông báo của cấp có thẩm quyền (sau đây gọi chung là Bộ phận Một cửa) và công chức Bộ phận Một cửa, công chức, người lao động được bố trí tham gia trong quá trình tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả chịu trách nhiệm thực hiện Quy trình này.</i>		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2025. - <i>Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu - Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008.</i> - Nghị định số 191/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam. - <i>Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp</i> - Thông tư số 12/2025/TT-BTP ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu số quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch. - <i>Quyết định số 3713/QĐ-BTP ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</i> - <i>Nghị quyết 77/2025/NQ-HĐND ngày 27/11/2025 của HĐND thành phố Hà Nội về việc thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố trên địa bàn thành phố Hà Nội.</i> - <i>Quyết định số 1099/QĐ-TTPVHCC ngày 25/7/2025 của Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố danh mục TTHC mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực quốc tịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp thành phố Hà Nội.</i> - <i>Quyết định số 216/QĐ-TTPVHCC ngày 13/02/2026 của Trung tâm Phục vụ hành chính công về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi bổ sung lĩnh vực Hộ tịch, Quốc tịch, Chứng thực, Nuôi con nuôi, Hòa giải ở cơ sở, Bồi thường nhà nước, Trợ giúp pháp lý thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp thành phố Hà Nội.</i> 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam	X	
	Bản khai lý lịch	X	

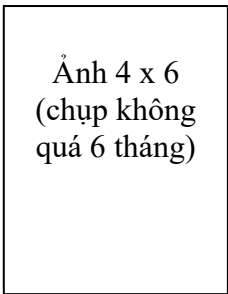
<p>Giấy tờ chứng minh người xin thôi quốc tịch Việt Nam có quốc tịch Việt Nam là bản sao Hộ chiếu Việt Nam, thẻ Căn cước công dân, thẻ căn cước, căn cước điện tử, Giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ khác quy định tại Điều 11 Luật Quốc tịch Việt Nam và Điều 7 Nghị định số 91/2025/NĐ-CP trong trường hợp cơ quan tiếp nhận không thể khai thác được thông tin chứng minh quốc tịch Việt Nam của người xin thôi quốc tịch trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư</p> <p><i>Giấy tờ chứng minh người xin thôi quốc tịch Việt Nam có quốc tịch Việt Nam là Giấy khai sinh hoặc Trích lục khai sinh, Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc Thẻ Căn cước, người yêu cầu có thể cung cấp thông tin về giấy tờ (số, ngày cấp, nơi cấp) để cơ quan thụ lý hồ sơ khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thay cho giấy tờ phải nộp</i></p>		X
<p>Giấy tờ xác nhận về việc người đó đang làm thủ tục nhập quốc tịch nước ngoài, trừ trường hợp pháp luật nước đó không quy định về việc cấp giấy này (Giấy tờ xác nhận việc người xin thôi quốc tịch Việt Nam đang làm thủ tục nhập quốc tịch nước ngoài quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 28 Luật Quốc tịch Việt Nam là giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài xác nhận hoặc bảo đảm cho người đó được nhập quốc tịch nước ngoài; trường hợp người xin thôi quốc tịch Việt Nam đã có quốc tịch nước ngoài thì nộp bản sao Hộ chiếu hoặc giấy tờ về nhân thân có dán ảnh do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp để chứng minh người đó đang có quốc tịch nước ngoài).</p>		X
<p>Giấy xác nhận không nợ thuế do cơ quan quản lý thuế nơi người xin thôi quốc tịch Việt Nam cư trú cấp</p>	X	
<p>Đối với người trước đây là cán bộ, công chức, viên chức hoặc phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam đã nghỉ hưu, thôi việc, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức hoặc giải ngũ, phục viên chưa quá 5 năm thì còn phải nộp giấy xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị đã ra quyết định cho nghỉ hưu, cho thôi việc, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức hoặc giải ngũ, phục viên xác nhận việc thôi quốc tịch Việt Nam của người đó không phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam.</p>	X	
<p>Bản sao Giấy khai sinh của con chưa thành niên cùng thôi quốc tịch Việt Nam theo cha mẹ hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con (<i>người yêu cầu có thể cung cấp thông tin về giấy tờ (số, ngày cấp, nơi cấp) để cơ quan thụ lý hồ sơ khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thay cho giấy tờ phải nộp</i>) trong trường hợp cơ quan tiếp nhận không thể khai thác được thông tin chứng minh quan hệ cha, mẹ, con trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp chỉ người cha hoặc người mẹ thôi quốc tịch Việt Nam mà con chưa thành niên sinh sống cùng người đó thôi quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ thì phải nộp văn bản thỏa thuận có đủ chữ ký của cha mẹ về việc xin thôi quốc tịch Việt Nam cho con. Văn bản thỏa thuận không phải chứng thực chữ ký; người đứng đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam cho con phải chịu trách nhiệm về tính chính xác chữ ký của người kia.</p>		X
<p>*Lưu ý: - Giấy tờ có trong hồ sơ xin thôi quốc tịch Việt Nam do cơ quan có thẩm</p>		X

	<p>quyền của nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tờ trong hồ sơ xin thôi quốc tịch Việt Nam bằng tiếng nước ngoài phải được dịch sang tiếng Việt; bản dịch phải được chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật Việt Nam. - Trường hợp pháp luật quy định giấy tờ phải nộp là bản sao thì người xin thôi quốc tịch Việt Nam có thể nộp giấy tờ là bản chụp từ bản chính; bản sao được chứng thực từ bản chính; bản sao được cấp từ sổ gốc; bản điện tử các giấy tờ này; giấy tờ được tích hợp, hiển thị trên Ứng dụng định danh điện tử (VN eID). Nếu nộp bản chụp từ bản chính thì phải có bản chính để đối chiếu; người thụ lý hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản sao với bản chính và ký xác nhận đã đối chiếu. <p>Trường hợp hồ sơ được gửi qua hệ thống bưu chính thì bản sao giấy tờ phải được chứng thực từ bản chính hoặc được cấp từ sổ gốc; Đơn, Tờ khai, Bản khai lý lịch phải được chứng thực chữ ký theo quy định của pháp luật.</p> <p><i>- Đối với giấy tờ cho phép thay thế bằng việc sử dụng dữ liệu, cơ quan thụ lý hồ sơ có trách nhiệm khai thác trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trên cơ sở thông tin do người dân cung cấp. Trường hợp không khai thác được hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì thực hiện như sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Trường hợp người yêu cầu nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tiếp nhận hồ sơ, cơ quan thụ lý có thông báo cho người xin thôi quốc tịch Việt Nam để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Việc thông báo được thực hiện bằng một hoặc nhiều phương thức: gửi đến tài khoản cá nhân trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; gửi tin nhắn hoặc liên hệ qua số điện thoại, hộp thư điện tử do người yêu cầu cung cấp. + Trường hợp người yêu cầu nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính, không quá 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, cơ quan thụ lý có văn bản gửi cho người người xin thôi quốc tịch Việt Nam để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. 		
3.3	Số lượng hồ sơ		
	03 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	75 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)		
3.5	<p>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người xin thôi quốc tịch Việt Nam chưa được thôi quốc tịch Việt Nam, nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây: <ul style="list-style-type: none"> + Đang nợ thuế đối với Nhà nước hoặc đang có nghĩa vụ tài sản đối với cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân ở Việt Nam; + Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; + Đang chấp hành bản án, quyết định của Toà án Việt Nam; + Đang bị tạm giam để chờ thi hành án; + Đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh, trường giáo dưỡng. - Người xin thôi quốc tịch Việt Nam không được thôi quốc tịch Việt Nam, nếu việc đó làm phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam. - Cán bộ, công chức và những người đang phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam không được thôi quốc tịch Việt Nam. 		

	- Trường hợp được miễn xác minh về nhân thân thì thời hạn của giấy tờ bảo đảm cho nhập quốc tịch nước ngoài phải còn ít nhất là 120 ngày, kể từ ngày thụ lý hồ sơ; trường hợp phải xác minh về nhân thân thì thời hạn phải còn ít nhất là 150 ngày, kể từ ngày thụ lý hồ sơ.
3.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả
	Công Dịch vụ công Quốc gia - Trung tâm Phục vụ hành chính công, <i>Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC (Theo thông báo của cấp có thẩm quyền)</i>
3.7	Lệ phí
	Lệ phí: 2.500.000 đồng. <i>Hỗ trợ 100% mức phí, lệ phí đối với các thủ tục hành chính có mức thu do Bộ Tài chính quy định khi thực hiện trên Dịch vụ công trực tuyến (không bao gồm phí thẩm định hồ sơ)</i>

3.8	Quy trình xử lý				
Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị/ Người thực hiện	Thời hạn xử lý (ngày làm việc)	Biểu mẫu/Kết quả	Ghi chú
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển hồ sơ về bộ phận giải quyết hồ sơ	Cán bộ thụ lý hồ sơ	0,5 ngày	Theo Mục 3.2	
	Kiểm tra hồ sơ, gửi văn bản xác minh nhân thân; đăng thông báo về việc xin thôi quốc tịch Việt Nam	Cán bộ giải quyết hồ sơ của Sở Tư pháp	4,5 ngày	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết/Thông báo trả lại hồ sơ; Thông báo về việc xin thôi quốc tịch Việt Nam; Công văn	
B2	Xác minh nhân thân và trả lời kết quả xác minh	Cán bộ Công an cấp tỉnh	20 ngày	Kết quả xác minh về nhân thân	
B3	Nhận kết quả xác minh, hoàn tất hồ sơ	Cán bộ giải quyết hồ sơ của Sở Tư pháp	05 ngày	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	
	Xét duyệt hồ sơ, ký văn bản trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Lãnh đạo Sở Tư pháp		Dự thảo Tờ trình kèm Hồ sơ	

B4	Kiểm tra hồ sơ, trình Chủ tịch UBND tỉnh	Cán bộ của UBND tỉnh	05 ngày	Dự thảo Tờ trình kèm Hồ sơ	
	Xem xét, kết luận và ký văn bản đề xuất ý kiến gửi Bộ Tư pháp	Chủ tịch UBND tỉnh		Công văn của UBND Thành phố	
B5	Kiểm tra lại hồ sơ, trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Cán bộ Cục Hành chính tư pháp	20 ngày	Tờ trình; Quyết định	Từ chối giải quyết hồ sơ nếu hồ sơ chưa đầy đủ, người xin thôi quốc tịch Việt Nam chưa đáp ứng đầy đủ điều kiện thôi QTVN
	Xét duyệt hồ sơ, thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định	Bộ trưởng Bộ Tư pháp			
	Chuyển phát hành Tờ trình tại Văn phòng Chính phủ	Cán bộ Vụ Pháp luật, Văn phòng Chính phủ			
B6	Kiểm tra lại hồ sơ, trình Chủ tịch nước	Cán bộ Văn phòng Chủ tịch nước	20 ngày		
	Xem xét, ký quyết định	Chủ tịch nước			
Tổng thời gian giải quyết			75 ngày	Quyết định cho thôi quốc tịch Việt Nam	Thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ
4	Biểu mẫu				
	Hệ thống Biểu mẫu (Thông tư số 12/2025/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				
	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam (Mẫu TP/QT-2025-ĐXTQT.1). - Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam dùng cho người đại diện theo pháp luật làm Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện (Mẫu TP/QT-2025-ĐXTQT.2). - Bản khai lý lịch (Mẫu TP/QT-2025-BKLL). - Văn bản thoả thuận thay đổi quốc tịch cho con chưa thành niên (Mẫu TP/QT-2025-VBTT). - Mẫu điện tử tương tác Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam; Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam dùng cho người đại diện theo pháp luật làm; Bản khai lý lịch (nếu nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến). 				



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN THÔI QUỐC TỊCH VIỆT NAM

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

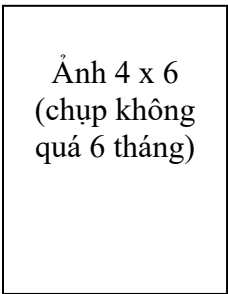
Họ, chữ đệm và tên (1):Giới tính* :.....
 Ngày, tháng, năm sinh:
 Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):
 Nơi sinh (2)*:
 Nơi đăng ký khai sinh*/Ghi chú khai sinh (3):
 Hộ chiếu Việt Nam số:do:.....
 cấp ngày.....tháng.....năm.....
 Nơi cư trú* :

 Quốc tịch nước ngoài (nếu có) (4):
 Ngày, tháng, năm xuất cảnh (nếu có) (5):/...../.....
 Lý do xuất cảnh:
 Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có) (5):

 Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi tự nguyện làm Đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép tôi được thôi quốc tịch Việt Nam.
 Lý do xin thôi quốc tịch Việt Nam:.....

 Tôi cũng xin thôi quốc tịch Việt Nam cho con chưa thành niên sinh sống cùng tôi có tên dưới đây (nếu có) (6):

Con thứ nhất:



Họ, chữ đệm và tên: Giới tính* :
 Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Nơi sinh (2)*:

Nơi đăng ký khai sinh*/Ghi chú khai sinh (3):

.....

Hộ chiếu Việt Nam số:do:

cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú* :

.....

Quốc tịch nước ngoài (nếu có) (4):

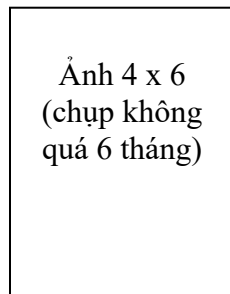
Ngày, tháng, năm xuất cảnh (nếu có) (5):/...../.....

Lý do xuất cảnh:

Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có) (5):

.....

Con thứ hai:



Họ, chữ đệm và tên: Giới tính* :

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Nơi sinh (2)*:

Nơi đăng ký khai sinh*/Ghi chú khai sinh (3):

.....

Hộ chiếu Việt Nam số:do:

cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú* :

.....

Quốc tịch nước ngoài (nếu có) (4):

Ngày, tháng, năm xuất cảnh (nếu có) (5):/...../.....

Lý do xuất cảnh:

Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có) (5):

.....

Con thứ.....:

.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

Giấy tờ kèm theo:

....., ngày tháng năm.....

-
 -
 -

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Chú thích:

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin “Họ, chữ đệm và tên”, “ngày tháng năm sinh”, “Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có)” thì người làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

(1) Ghi bằng chữ in hoa theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế.

(2) Ghi địa danh theo 02 cấp hành chính (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, quốc gia (nếu sinh ở nước ngoài). Ví dụ: phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.

(3) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh theo 02 cấp hành chính (nếu thực hiện tại Việt Nam). Ví dụ: UBND phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Ghi tên cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài (nếu đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh tại cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài). Ví dụ: Đại sứ quán Việt Nam tại CHLB Đức.

Ghi tên cơ quan có thẩm quyền nước ngoài tại thành phố, quốc gia (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài). Ví dụ: Chính quyền thành phố Postdam, CHLB Đức.

(4) Trường hợp đang có quốc tịch nước ngoài thì ghi chính xác tên quốc gia mang quốc tịch theo phiên âm La - tinh hoặc phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Malaysia hoặc Ma-lai-xi-a; trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch.

(5) Trường hợp xuất cảnh nhiều lần thì ghi ngày, tháng, năm xuất cảnh và địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh của lần xuất cảnh lần đầu.

(6) Trường hợp xin thôi quốc tịch Việt Nam cho con chưa thành niên sinh sống cùng thì ghi đầy đủ thông tin của từng người con.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN THÔI QUỐC TỊCH VIỆT NAM
**(Dùng cho người đại diện theo pháp luật làm Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam
cho người được đại diện)**

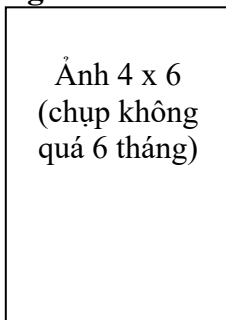
Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Người đại diện theo pháp luật:

Họ, chữ đệm và tên (1):Giới tính* :.....
 Ngày, tháng, năm sinh:.....
 Số định danh cá nhân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử
 (nếu có):.....
 Nơi sinh (2)*:
 Quốc tịch*:
 Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:.....số:.....
 do:..... cấp ngày.....tháng.....năm.....
 Nơi cư trú* :.....

Quan hệ giữa người đại diện theo pháp luật và người được đại diện:.....
 Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi tự nguyện làm
 Đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép người
 có tên sau đây được thôi quốc tịch Việt Nam.

Người thứ nhất xin thôi quốc tịch Việt Nam:



Họ, chữ đệm và tên (1):Giới tính* :.....
 Ngày, tháng, năm sinh:.....
 Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ
 căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):
 Nơi sinh (2)*:
 Nơi đăng ký khai sinh*/Ghi chú khai sinh (3):
 Hộ chiếu Việt Nam số:.....do:.....
 cấp ngày.....tháng.....năm.....
 Nơi cư trú* :.....
 Quốc tịch nước ngoài (nếu có) (4):

Ngày, tháng, năm xuất cảnh (nếu có) (5):

Lý do xuất cảnh:.....

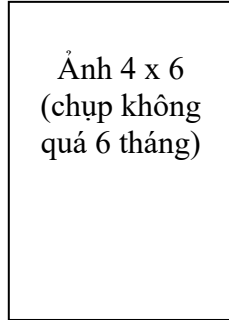
Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có) (5):.....

.....

Lý do xin thôi quốc tịch Việt Nam:.....

.....

Người thứ hai xin thôi quốc tịch Việt Nam:



Họ, chữ đệm và tên (1):Giới tính* :.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Nơi sinh (2)*:

Nơi đăng ký khai sinh*/Ghi chú khai sinh (3):

Hộ chiếu Việt Nam số:.....đo:.....

cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú * :.....

.....

Quốc tịch nước ngoài (nếu có) (4):

Ngày, tháng, năm xuất cảnh (nếu có) (5):

Lý do xuất cảnh:.....

Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có) (5):.....

.....

Lý do xin thôi quốc tịch Việt Nam:.....

.....

Người thứ ... xin thôi quốc tịch Việt Nam:.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

Giấy tờ kèm theo:

-

-

-

....., ngày tháng năm.....

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Chú thích:

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin “Họ, chữ đệm và tên”, “ngày tháng năm sinh”, “Số định danh cá nhân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có)” thì người làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

(1) Ghi bằng chữ in hoa theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế.

(2) Ghi địa danh theo 02 cấp hành chính (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, quốc gia (nếu sinh ở nước ngoài). Ví dụ: phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.

(3) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh theo 02 cấp hành chính (nếu thực hiện tại Việt Nam). Ví dụ: UBND phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Ghi tên cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài (nếu đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh tại cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài). Ví dụ: Đại sứ quán Việt Nam tại CHLB Đức.

Ghi tên cơ quan có thẩm quyền nước ngoài tại thành phố, quốc gia (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài). Ví dụ: Chính quyền thành phố Postdam, CHLB Đức.

(4) Trường hợp đang có quốc tịch nước ngoài thì ghi chính xác tên quốc gia mang quốc tịch theo phiên âm La - tinh hoặc phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Malaysia hoặc Ma-lai-xi-a; trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch.

(5) Trường hợp xuất cảnh nhiều lần thì ghi ngày, tháng, năm xuất cảnh và địa chỉ cư trú trước khi xuất

cảnh của lần xuất cảnh lần đầu.

TÓM TẮT VỀ NGƯỜI THÂN THÍCH

Ông nội (1):

Họ, chữ đệm và tên:.....
 Ngày, tháng, năm sinh:.....
 Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):
 Quốc tịch:.....
 Nơi cư trú hiện nay:.....

Bà nội (1):

Họ, chữ đệm và tên:.....
 Ngày, tháng, năm sinh:.....
 Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):
 Quốc tịch:.....
 Nơi cư trú hiện nay:.....

Ông ngoại (1):

Họ, chữ đệm và tên:.....
 Ngày, tháng, năm sinh:.....
 Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):
 Quốc tịch:.....
 Nơi cư trú hiện nay:.....

Bà ngoại (1):

Họ, chữ đệm và tên:.....
 Ngày, tháng, năm sinh:.....
 Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):
 Quốc tịch:.....
 Nơi cư trú hiện nay:.....

Người cha:

Họ, chữ đệm và tên*:.....
 Ngày, tháng, năm sinh:.....
 Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):
 Quốc tịch:.....
 Nơi cư trú hiện nay:.....

Người mẹ:

Họ, chữ đệm và tên*:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....
 Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):
 Quốc tịch:.....
 Nơi cư trú hiện nay:.....

Vợ/chồng:

Họ, chữ đệm và tên*:.....
 Ngày, tháng, năm sinh:.....
 Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):
 Quốc tịch:.....
 Nơi cư trú hiện nay:.....

Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm và tên*:..... Giới tính *:.....
 Ngày, tháng, năm sinh:.....
 Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có)*:
 Quốc tịch*:.....
 Nơi cư trú hiện nay:.....

Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm và tên*:..... Giới tính *:.....
 Ngày, tháng, năm sinh:.....
 Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có)*:
 Quốc tịch*:.....
 Nơi cư trú hiện nay:.....

Con thứ**Anh/chị/em ruột thứ nhất:****Con thứ nhất:**

Họ, chữ đệm và tên:..... Giới tính:.....
 Ngày, tháng, năm sinh:.....
 Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):
 Quốc tịch:.....
 Nơi cư trú hiện nay:.....

Anh/chị/em ruột thứ hai:

Họ, chữ đệm và tên:..... Giới tính:.....
 Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Anh/chi/em ruột thứ

(Nếu số lượng con, anh/chi/em ruột nhiều hơn 02 người thì người khai lập bản khai bổ sung khai đầy đủ thông tin của từng thành viên).

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình./.

....., ngày tháng năm

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Chú thích:

(1): Chỉ khai trong trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam có ông nội và bà nội hoặc ông ngoại và bà ngoại là công dân Việt Nam.

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin “Họ, chữ đệm và tên”, “ngày tháng năm sinh”, “Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có)” thì công chức làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**VĂN BẢN THỎA THUẬN THAY ĐỔI QUỐC TỊCH
CHO CON CHƯA THÀNH NIÊN**

Kính gửi (1):

1. Người cha:

Họ, chữ đệm và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Căn cước công dân/Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị thay thế (2):

số.....do.....

..... cấp ngày..... thángnăm

Quốc tịch:

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

2. Người mẹ:

Họ, chữ đệm và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Căn cước công dân/Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị thay thế (2):

số.....do.....

..... cấp ngày..... thángnăm

Quốc tịch:

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

Bằng văn bản này, chúng tôi đồng ý cho con của chúng tôi là:

- Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Căn cước công dân/Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị thay thế (2):

số.....do.....

..... cấp ngày..... thángnăm

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

- Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Căn cước công dân/Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị thay thế (2):

số.....do.....

..... cấp ngày..... thángnăm

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....

- Con thứ:

Nội dung thoả thuận

.....

Chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã thoả thuận nêu trên./.

Làm tại, ngày tháng năm

Người cha

(ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Người mẹ

(ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Người con (từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi)

(ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Chú thích:

- (1) Tên cơ quan thụ lý hồ sơ quốc tịch.
- (2) Ghi rõ tên loại giấy tờ, số, nơi cấp, ngày cấp. Ví dụ: Hộ chiếu Việt Nam số C0123456 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 01/7/2024.
- (3) Ghi rõ nội dung thoả thuận phù hợp với loại việc đề nghị giải quyết.

NỘI DUNG MẪU QUỐC TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC XIN THÔI QUỐC TỊCH VIỆT NAM

I. Thông tin về người xin thôi quốc tịch Việt Nam

- (1) Ảnh 4 x 6 và chụp không quá 6 tháng;
- (2) Họ, chữ đệm và tên;
- (3) Giới tính;
- (4) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);
- (5) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (6) Nơi sinh;
- (7) Nơi đăng ký khai sinh/Ghi chú khai sinh (*Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh theo 02 cấp hành chính (nếu thực hiện tại Việt Nam). Ghi tên cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài (nếu đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh tại cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài). Ghi tên cơ quan có thẩm quyền nước ngoài tại thành phố, quốc gia (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài)*); bản chụp Giấy khai sinh đính kèm;
- (8) Hộ chiếu Việt Nam (số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm);
- (9) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (10) Quốc tịch nước ngoài (nếu có);
- (11) Ngày, tháng, năm xuất cảnh (nếu có) (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (12) Lý do xuất cảnh;
- (13) Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có): (nơi đã thường trú/nơi đã tạm trú/nơi đã sinh sống);
- (14) Lý do xin thôi quốc tịch Việt Nam;

II. Thông tin về con chưa thành niên sinh sống cùng xin thôi quốc tịch Việt Nam

Con thứ nhất:

- (15) Ảnh 4 x 6 và chụp không quá 6 tháng;
- (16) Họ, chữ đệm và tên;
- (17) Giới tính;
- (18) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);

(19) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(20) Nơi sinh;

(21) Nơi đăng ký khai sinh/Ghi chú khai sinh (*Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh theo 02 cấp hành chính (nếu thực hiện tại Việt Nam). Ghi tên cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài (nếu đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh tại cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài). Ghi tên cơ quan có thẩm quyền nước ngoài tại thành phố, quốc gia (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài)*); bản chụp Giấy khai sinh đính kèm;

(22) Hộ chiếu Việt Nam (số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm);

(23) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);

(24) Quốc tịch nước ngoài (nếu có);

(25) Ngày, tháng, năm xuất cảnh (nếu có) (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);

(26) Lý do xuất cảnh;

(27) Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có): (nơi đã thường trú/nơi đã tạm trú/nơi đã sinh sống);

Con thứ...

.....

* Người yêu cầu cam đoan về các thông tin cung cấp và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVCĐ, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

Người xin thôi quốc tịch Việt Nam nhận bản điện tử Quyết định cho thôi quốc tịch Việt Nam.

Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người xin thôi quốc tịch Việt Nam khi đã hoàn tất thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam tại cơ quan thụ lý hồ sơ.

**NỘI DUNG MẪU QUỐC TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC
XIN THÔI QUỐC TỊCH VIỆT NAM
(Dành cho người đại diện theo pháp luật làm
Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện)**

I. Thông tin người đại diện theo pháp luật

- (1) Họ, chữ đệm và tên;
- (2) Giới tính;
- (3) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);
- (4) Số định danh cá nhân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (5) Nơi sinh;
- (6) Quốc tịch;
- (7) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (8) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (9) Quan hệ giữa người đại diện theo pháp luật và người được đại diện;

II. Thông tin về người xin thôi quốc tịch Việt Nam

Người thứ nhất xin thôi quốc tịch Việt Nam:

- (10) Ảnh 4 x 6 và chụp không quá 6 tháng;
- (11) Họ, chữ đệm và tên;
- (12) Giới tính;
- (13) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);
- (14) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (15) Nơi sinh;
- (16) Nơi đăng ký khai sinh/Ghi chú khai sinh (*Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh theo 02 cấp hành chính (nếu thực hiện tại Việt Nam). Ghi tên cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài (nếu đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh tại cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài). Ghi tên cơ quan có thẩm quyền nước ngoài tại thành phố, quốc gia (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài)*); bản chụp Giấy khai sinh đính kèm;

- (17) Hộ chiếu Việt Nam (số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm);
- (18) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (19) Quốc tịch nước ngoài (nếu có);
- (20) Ngày, tháng, năm xuất cảnh (nếu có) (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (21) Lý do xuất cảnh;
- (22) Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có): (nơi đã thường trú/nơi đã tạm trú/nơi đã sinh sống);
- (23) Lý do xin thôi quốc tịch Việt Nam;
- Người thứ hai xin thôi quốc tịch Việt Nam:**
- (24) Ảnh 4 x 6 và chụp không quá 6 tháng;
- (25) Họ, chữ đệm và tên;
- (26) Giới tính;
- (27) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);
- (28) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (29) Nơi sinh;
- (30) Nơi đăng ký khai sinh/Ghi chú khai sinh (*Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh theo 02 cấp hành chính (nếu thực hiện tại Việt Nam). Ghi tên cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài (nếu đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh tại cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài). Ghi tên cơ quan có thẩm quyền nước ngoài tại thành phố, quốc gia (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài)*); bản chụp Giấy khai sinh đính kèm;
- (31) Hộ chiếu Việt Nam (số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm);
- (32) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (33) Quốc tịch nước ngoài (nếu có);
- (34) Ngày, tháng, năm xuất cảnh (nếu có) (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (35) Lý do xuất cảnh;
- (36) Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có): (nơi đã thường trú/nơi đã tạm trú/nơi đã sinh sống);
- (37) Lý do xin thôi quốc tịch Việt Nam;

Người thứ xin thôi quốc tịch Việt Nam

....

* Người yêu cầu cam đoan về các thông tin cung cấp và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVC, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

Người xin thôi quốc tịch Việt Nam nhận bản điện tử Quyết định cho thôi quốc tịch Việt Nam.

Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người xin thôi quốc tịch Việt Nam khi đã hoàn tất thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam tại cơ quan thụ lý hồ sơ.

NỘI DUNG MẪU QUỐC TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC BẢN KHAI LÝ LỊCH

- (1) Ảnh 4 x 6 và chụp không quá 6 tháng;
- (2) Họ, chữ đệm và tên;
- (3) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);
- (4) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (5) Nơi làm việc.

I. Tóm tắt về bản thân

(Ghi rõ thông tin từ trước tới nay, quá trình sinh sống, làm gì, ở đâu?)

II. Tóm tắt về người thân thích

Ông nội (chỉ khai trong trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam có ông nội là công dân Việt Nam);

- (6) Họ, chữ đệm và tên;
- (7) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);
- (8) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (9) Quốc tịch;
- (10) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

Bà nội (chỉ khai trong trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam có bà nội là công dân Việt Nam);

- (11) Họ, chữ đệm và tên;
- (12) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);
- (13) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (14) Quốc tịch;

(15) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

Ông ngoại (chỉ khai trong trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam có ông ngoại là công dân Việt Nam);

(16) Họ, chữ đệm và tên;

(17) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);

(18) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(19) Quốc tịch;

(20) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

Bà ngoại (Chỉ khai trong trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam có bà ngoại là công dân Việt Nam);

(21) Họ, chữ đệm và tên;

(22) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);

(23) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(24) Quốc tịch;

(25) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

Người cha

(26) Họ, chữ đệm và tên;

(27) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);

(28) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(29) Quốc tịch;

(30) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

Người mẹ

(31) Họ, chữ đệm và tên;

(32) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);

(33) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(34) Quốc tịch;

(35) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

Vợ/chồng

(36) Họ, chữ đệm và tên;

(37) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);

(38) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(39) Quốc tịch;

(40) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

Con thứ nhất

(41) Họ, chữ đệm và tên;

(42) Giới tính;

(43) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);

(44) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(45) Quốc tịch;

(46) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

Con thứ ...

....

Anh/chi/em ruột thứ nhất

(47) Họ, chữ đệm và tên;

(48) Giới tính;

(49) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);

(50) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(51) Quốc tịch;

(52) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

Anh/chị/em ruột thứ

.....

* Người yêu cầu cam đoan về các thông tin cung cấp và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVCĐ, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

5. Cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước (1.005136)

1	Mục đích: Quy trình này quy định trình tự và cách thức giải quyết hồ sơ xin cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước		
2	Phạm vi: Áp dụng đối với cá nhân xin cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam. Sở Tư pháp, Văn phòng UBND Thành phố, Trung tâm Phục vụ hành chính công, Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC theo thông báo của cấp có thẩm quyền (sau đây gọi chung là Bộ phận Một cửa) và công chức Bộ phận Một cửa, công chức, người lao động được bố trí tham gia trong quá trình tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả chịu trách nhiệm thực hiện Quy trình này.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2025. - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu - Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008. - Nghị định số 191/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam. - Thông tư số 12/2025/TT-BTP ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch. - Quyết định số 3713/QĐ-BTP ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp. - Nghị quyết 77/2025/NQ-HĐND ngày 27/11/2025 của HĐND thành phố Hà Nội về việc thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố trên địa bàn thành phố Hà Nội. - Quyết định số 1099/QĐ-TTPVHCC ngày 25/7/2025 của Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố danh mục TTHC mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực quốc tịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp thành phố Hà Nội - Quyết định số 216/QĐ-TTPVHCC ngày 13/02/2026 của Trung tâm Phục vụ hành chính công về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi bổ sung lĩnh vực Hộ tịch, Quốc tịch, Chứng thực, Nuôi con nuôi, Hòa giải ở cơ sở, Bồi thường nhà nước, Trợ giúp pháp lý thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp thành phố Hà Nội.s 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam: + Tờ khai đề nghị cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt kèm 02 ảnh 4x6 chụp chưa quá 6 tháng 	X	

	<p>+ Giấy tờ chứng minh nhân thân của người đó như thẻ Căn cước công dân, thẻ căn cước, căn cước điện tử, giấy tờ cư trú, thẻ tạm trú, giấy thông hành, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế hoặc giấy tờ xác nhận về nhân thân có dán ảnh do cơ quan có thẩm quyền cấp (<i>Đối với Chứng minh nhân dân, thẻ Căn cước công dân, thẻ căn cước hoặc Giấy chứng nhận căn cước, người yêu cầu chỉ nộp trong trường hợp cơ quan thụ lý không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác</i>)</p>		X
	<p>+ Giấy tờ được cấp trước đây để chứng minh người đó đã từng có quốc tịch Việt Nam mà khi sinh ra quốc tịch của họ được xác định theo nguyên tắc huyết thống hoặc giấy tờ để chứng minh người đó khi sinh ra có cha mẹ hoặc ông bà nội, ông bà ngoại đã từng có quốc tịch Việt Nam. (<i>Trường hợp giấy tờ chứng minh là Giấy khai sinh hoặc Trích lục khai sinh, người yêu cầu chỉ nộp trong trường hợp cơ quan thụ lý không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác</i>).</p> <p>Trường hợp không có bất kỳ giấy tờ nào nêu trên thì tùy từng hoàn cảnh cụ thể, có thể nộp bản sao giấy tờ về nhân thân, quốc tịch, hộ tịch do chế độ cũ ở miền Nam hoặc giấy tờ do chính quyền cũ ở miền Bắc cấp; giấy bảo lãnh của Hội đoàn người Việt Nam ở nước ngoài nơi người đó đang cư trú, trong đó xác nhận người đó có gốc Việt Nam; giấy bảo lãnh của người có quốc tịch Việt Nam, trong đó xác nhận người đó có gốc Việt Nam; giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp trong đó ghi quốc tịch Việt Nam hoặc quốc tịch gốc Việt Nam.</p>		X
	<p>*Lưu ý:</p> <p>- Trường hợp pháp luật quy định giấy tờ phải nộp là bản sao thì người yêu cầu cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam có thể nộp giấy tờ là bản chụp từ bản chính; bản sao được chứng thực từ bản chính; bản sao được cấp từ sổ gốc; bản điện tử các giấy tờ này; giấy tờ được tích hợp, hiển thị trên Ứng dụng định danh điện tử (VNeID). Nếu nộp bản chụp từ bản chính thì phải có bản chính để đối chiếu; người thụ lý hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản sao với bản chính và ký xác nhận đã đối chiếu.</p> <p>Trường hợp hồ sơ được gửi qua hệ thống bưu chính thì bản sao giấy tờ phải được chứng thực từ bản chính hoặc được cấp từ sổ gốc; Tờ khai, Bản khai lý lịch phải được chứng thực chữ ký theo quy định của pháp luật.</p> <p>- <i>Đối với các giấy tờ chứng minh nhân thân, chứng minh gốc Việt Nam sau đây, người yêu cầu có thể cung cấp thông tin về giấy tờ (số, ngày cấp, nơi cấp) để cơ quan thụ lý hồ sơ khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thay cho giấy tờ phải nộp:</i></p> <p>+ <i>Giấy tờ chứng minh nhân thân là Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc Thẻ Căn cước hoặc Giấy chứng nhận căn cước;</i></p> <p>+ <i>Giấy tờ được cấp trước đây để chứng minh người đó đã từng có quốc tịch Việt Nam mà khi sinh ra quốc tịch của họ được xác định theo nguyên tắc huyết thống hoặc giấy tờ để chứng minh người đó khi sinh ra có cha mẹ hoặc ông bà nội, ông bà ngoại đã từng có quốc tịch Việt Nam là Giấy khai sinh hoặc Trích lục khai sinh.</i></p>		X

	<p>- Cơ quan thụ lý hồ sơ có trách nhiệm khai thác trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trên cơ sở thông tin do người dân cung cấp. Trường hợp không khai thác được hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì thực hiện như sau:</p> <p>+ Trường hợp người yêu cầu nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tiếp nhận hồ sơ, cơ quan thụ lý có thông báo cho người yêu cầu để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Việc thông báo được thực hiện bằng một hoặc nhiều phương thức: gửi đến tài khoản cá nhân trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; gửi tin nhắn hoặc liên hệ qua số điện thoại, hộp thư điện tử do người yêu cầu cung cấp.</p> <p>+ Trường hợp người yêu cầu nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính, không quá 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, cơ quan thụ lý có văn bản gửi cho người yêu cầu để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.</p>				
3.3	Số lượng hồ sơ				
	01 bộ				
3.4	Thời gian xử lý				
	<p>Thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền</p> <p>- 18 ngày làm việc đối với trường hợp có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam;</p> <p>- 53 ngày làm việc đối với trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam (hồ sơ xác minh thông thường) hoặc 68 ngày làm việc (hồ sơ xác minh phức tạp).</p>				
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả				
	Cổng Dịch vụ công Quốc gia - Trung tâm Phục vụ hành chính công, Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC (Theo thông báo của cấp có thẩm quyền)				
3.6	Lệ phí				
	<p>100.000 đồng.</p> <p>Miễn lệ phí đối với: người di cư từ Lào được phép cư trú xin xác nhận có quốc tịch Việt Nam theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam là thành viên; kiều bào Việt Nam tại các nước láng giềng có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.</p> <p>- <i>Hỗ trợ 100% mức phí, lệ phí đối với các thủ tục hành chính có mức thu do Bộ Tài chính quy định khi thực hiện trên Dịch vụ công trực tuyến (không bao gồm phí thẩm định hồ sơ)</i></p>				
3.7	Quy trình xử lý				
Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị/ Người thực hiện	Thời hạn xử lý (ngày làm việc)	Biểu mẫu/Kết quả	Ghi chú
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển hồ sơ về bộ phận giải quyết hồ sơ	Cán bộ thụ lý hồ sơ	0,5 ngày		
	Kiểm tra hồ sơ; gửi văn bản tra cứu quốc tịch Việt Nam, văn bản xác minh	Cán bộ giải quyết hồ sơ của Sở Tư pháp	4,5 ngày		

B2.1 (đối với trường hợp có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam)	Tra cứu quốc tịch Việt Nam và trả lời kết quả	Cán bộ Cục Hành chính tư pháp	10 ngày		
	Kiểm tra, xác minh và trả lời kết quả	Cán bộ tại cơ quan đã cấp giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam			
B2.2 (đối với trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam)	Tra cứu quốc tịch Việt Nam và trả lời kết quả	Cán bộ Cục Hành chính tư pháp	45 ngày đối với hồ sơ xác minh bình thường;		
	Xác minh và trả lời kết quả	Cán bộ Công an cấp tỉnh	60 ngày đối với hồ sơ xác minh phức tạp		
B3	Nhận kết quả tra cứu, xác minh; hoàn tất hồ sơ	Cán bộ giải quyết hồ sơ của Sở Tư pháp	03 ngày		
	Ký và cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam	Lãnh đạo Sở Tư pháp			
Tổng thời gian giải quyết			- 18 ngày làm việc đối với trường hợp có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam; - 53 ngày	Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam	Thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ

	làm việc đối với trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam (hồ sơ xác minh thông thường) hoặc 68 ngày làm việc (hồ sơ xác minh phức tạp).		
4	Biểu mẫu		
	Hệ thống Biểu mẫu (Thông tư số 12 /2025/TT-BTP của Bộ Tư pháp)		
	- Tờ khai đề nghị cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam (Mẫu TP/QT-2025-TKXNCQTVN.1). - Tờ khai đề nghị cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam dùng cho người đại diện theo pháp luật đề nghị cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện (TP/QT-2025-TKXNCQTVN.2).		
	Bản khai lý lịch (Mẫu TP/QT-2025-BKLL)		
	Mẫu điện tử tương tác Tờ khai đề nghị cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam; Tờ khai đề nghị cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam dùng cho người đại diện theo pháp luật đề nghị cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện và - Bản khai lý lịch (nếu nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến).		

Ảnh 4 x 6
(chụp không
quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngàytháng.....năm.....

TỜ KHAI
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY XÁC NHẬN CÓ QUỐC TỊCH VIỆT NAM

Kính gửi (1):

Họ, chữ đệm và tên (2):Giới tính* :.....
 Ngày, tháng, năm sinh:
 Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):
 Nơi sinh (3)*:
 Nơi đăng ký khai sinh*/Ghi chú khai sinh (4):
 Quốc tịch (5):
 Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:số:.....
 do:..... cấp ngày.....tháng.....năm.....
 Nơi cư trú:.....

 Ngày, tháng, năm xuất cảnh (nếu có) (6):/...../.....
 Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có) (6):.....

 Giấy tờ chứng minh có quốc tịch Việt Nam hoặc giấy tờ để phục vụ việc xác minh quốc tịch Việt Nam kèm theo:
 1,.....
 2,.....
 3,.....
 4,.....
 5,.....
 Đề nghị (1) cấp cho tôi Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam.
 Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình./.

Người khai

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Chú thích:

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin “Họ, chữ đệm, tên”, “ngày, tháng, năm sinh”, “Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có)” thì người làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

(1) Tên cơ quan thụ lý hồ sơ.

(2) Ghi bằng chữ in hoa theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế.

(3) Ghi địa danh theo 02 cấp hành chính (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, quốc gia (nếu sinh ở nước ngoài). Ví dụ: Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.

(4) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh theo 02 cấp hành chính (nếu thực hiện tại Việt Nam). Ví dụ: UBND phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Ghi tên cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài (nếu đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh tại cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài). Ví dụ: Đại sứ quán Việt Nam tại CHLB Đức.

Ghi tên cơ quan có thẩm quyền nước ngoài tại thành phố, quốc gia (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài). Ví dụ: Chính quyền thành phố Postdam, CHLB Đức.

(5) Trường hợp đang có quốc tịch nước ngoài thì ghi chính xác tên quốc gia mang quốc tịch theo phiên âm La-tinh hoặc phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Malaysia hoặc Ma-lai-xi-a. Trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch.

(6) Trường hợp xuất cảnh nhiều lần thì ghi ngày, tháng, năm xuất cảnh và địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh của lần xuất cảnh lần đầu.

Ảnh 4 x 6 của
người được
đại diện (chụp
không quá 6
tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

TỜ KHAI
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY XÁC NHẬN CÓ QUỐC TỊCH VIỆT NAM

**(Dùng cho người đại diện theo pháp luật đề nghị cấp
Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện)**

Kính gửi (1):

Người đại diện theo pháp luật:

Họ, chữ đệm và tên (2):Giới tính* :.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có) :

.....

Nơi sinh (3)* :

Quốc tịch* :

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:..... số:.....

do:..... cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú* :.....

.....

Quan hệ giữa người đại diện theo pháp luật và người được đại diện:.....

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam cho người có tên dưới đây:

Họ, chữ đệm và tên (2) :Giới tính* :.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

.....

Nơi sinh (3)* :

Nơi đăng ký khai sinh*/Ghi chú khai sinh (4):.....

Quốc tịch (5)* :

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:..... số:.....

do:..... cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú* :.....

.....

Ngày, tháng, năm xuất cảnh (nếu có) (6):/...../.....

Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có) (6):.....

.....

Giấy tờ chứng minh có quốc tịch Việt Nam hoặc giấy tờ để phục vụ việc xác minh quốc tịch Việt Nam kèm theo:

1,.....

2,.....

3,.....
 4,.....
 5,.....

Đề nghị (1) cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam cho(7).....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình./.

Người khai

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Chú thích:

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin “Họ, chữ đệm và tên”, “ngày tháng năm sinh”, “Số định danh cá nhân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có)” thì công chức làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

(1) Tên cơ quan thụ lý hồ sơ.

(2) Ghi bằng chữ in hoa theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế.

(3) Ghi địa danh theo 02 cấp hành chính (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, quốc gia (nếu sinh ở nước ngoài). Ví dụ: Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.

(4) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh theo 02 cấp hành chính (nếu thực hiện tại Việt Nam). Ví dụ: UBND phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

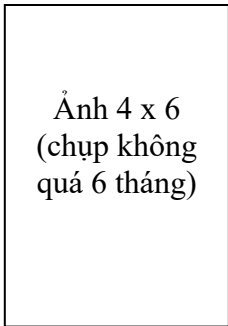
Ghi tên cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài (nếu đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh tại cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài). Ví dụ: Đại sứ quán Việt Nam tại CHLB Đức.

Ghi tên cơ quan có thẩm quyền nước ngoài tại thành phố, quốc gia (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài). Ví dụ: Chính quyền thành phố Postdam, CHLB Đức.

(5) Trường hợp đang có quốc tịch nước ngoài thì ghi chính xác tên quốc gia mang quốc tịch theo phiên âm La-tinh hoặc phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Malaysia hoặc Ma-lai-xi-a; trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch.

(6) Trường hợp xuất cảnh nhiều lần thì ghi ngày, tháng, năm xuất cảnh và địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh của lần xuất cảnh lần đầu.

(7) Ghi họ, chữ đệm và tên của người được đại diện.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN KHAI LÝ LỊCH
(Dùng cho trường hợp giải quyết các việc về quốc tịch)

Họ, chữ đệm và tên:
Ngày, tháng, năm sinh:
Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):
.....
Hộ chiếu Việt Nam (nếu có): do.....
..... cấp ngày tháng..... năm.....
Nơi làm việc:
.....

TÓM TẮT VỀ BẢN THÂN
(ghi rõ thông tin từ trước tới nay, quá trình sinh sống, làm gì, ở đâu?)

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

TÓM TẮT VỀ NGƯỜI THÂN THÍCH

Ông nội (1):
Họ, chữ đệm và tên:
Ngày, tháng, năm sinh:
Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):
Quốc tịch:
Nơi cư trú hiện nay:
.....

Bà nội (1):
Họ, chữ đệm và tên:
Ngày, tháng, năm sinh:
Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):
Quốc tịch:
Nơi cư trú hiện nay:
.....

Ông ngoại (1):
Họ, chữ đệm và tên:
Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

Bà ngoại (1):

Họ, chữ đệm và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

Người cha:

Họ, chữ đệm và tên*:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có)*:

Quốc tịch*:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

Người mẹ:

Họ, chữ đệm và tên*:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có)*:

Quốc tịch*:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

Vợ/chồng:

Họ, chữ đệm và tên*:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có)*:

Quốc tịch*:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm và tên*:..... Giới tính *:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có)*:

Quốc tịch*:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

Con thứ hai:

Họ, chữ đệm và tên*:..... Giới tính *:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có)*:

Quốc tịch*:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

.....
Con thứ:

Anh/chị/em ruột thứ nhất:

Họ, chữ đệm và tên: Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:

Nơi cư trú hiện nay:

.....
Anh/chị/em ruột thứ hai:

Họ, chữ đệm và tên: Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có):

Quốc tịch:

Nơi cư trú hiện nay:

Anh/chị/em ruột thứ:

(Nếu số lượng con, anh/chị/em ruột nhiều hơn 02 người thì người khai lập bản khai bổ sung khai đầy đủ thông tin của từng thành viên).

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình./.

....., ngày tháng năm

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Chú thích:

(1): Chỉ khai trong trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam có ông nội và bà nội hoặc ông ngoại và bà ngoại là công dân Việt Nam.

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin “Họ, chữ đệm và tên”, “ngày tháng năm sinh”, “Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có)” thì công chức làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

**NỘI DUNG MẪU QUỐC TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY XÁC NHẬN CÓ QUỐC TỊCH VIỆT NAM**

- (1) Ảnh 4 x 6 và chụp không quá 6 tháng;
- (2) Họ, chữ đệm và tên;
- (3) Giới tính;
- (4) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);
- (5) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (6) Nơi sinh;
- (7) Nơi đăng ký khai sinh/Ghi chú khai sinh (*Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh theo 02 cấp hành chính (nếu thực hiện tại Việt Nam). Ghi tên cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài (nếu đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh tại cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài). Ghi tên cơ quan có thẩm quyền nước ngoài tại thành phố, quốc gia (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài)*); bản chụp Giấy khai sinh đính kèm;
- (8) Quốc tịch;
- (9) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (10) Nơi cư trú (nơi đang sinh sống);
- (11) Ngày, tháng, năm xuất cảnh (nếu có) (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (12) Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có): (nơi đã thường trú/nơi đã tạm trú/nơi đã sinh sống);
- (13) Giấy tờ chứng minh có quốc tịch Việt Nam hoặc giấy tờ để phục vụ việc xác minh quốc tịch Việt Nam kèm theo (ghi rõ từng loại giấy tờ);
- (14) Đề nghị cấp cho tôi Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam (ghi rõ tên cơ quan thụ lý hồ sơ).

* Người yêu cầu cam đoan về các thông tin cung cấp và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVD, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

Người yêu cầu cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam nhận bản điện tử Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam.

Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam khi đã hoàn tất thủ tục cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam.

**NỘI DUNG MẪU QUỐC TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY XÁC NHẬN CÓ QUỐC TỊCH VIỆT NAM
(Dùng cho người đại diện theo pháp luật đề nghị cấp)**

Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện)

I. Thông tin người đại diện theo pháp luật

- (1) Họ, chữ đệm và tên;
- (2) Giới tính;
- (3) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);
- (4) Số định danh cá nhân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (5) Nơi sinh;
- (6) Quốc tịch;
- (7) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (8) Nơi cư trú (nơi đang sinh sống);
- (9) Quan hệ giữa người đại diện theo pháp luật và người được đại diện;

II. Thông tin về người xin cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam

- (10) Ảnh 4 x 6 và chụp không quá 6 tháng;
- (11) Họ, chữ đệm và tên;
- (12) Giới tính;
- (13) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);
- (14) Số định danh cá nhân/Giấy chứng minh nhân dân/thẻ Căn cước công dân/thẻ căn cước/căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (15) Nơi sinh;
- (16) Nơi đăng ký khai sinh/Ghi chú khai sinh (*Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh theo 02 cấp hành chính (nếu thực hiện tại Việt Nam). Ghi tên cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài (nếu đăng ký khai sinh/ghi chú khai sinh tại cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài). Ghi tên cơ quan có thẩm quyền nước ngoài tại thành phố, quốc gia (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài)*); bản chụp Giấy khai sinh đính kèm;
- (17) Quốc tịch;
- (18) Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế (số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm);
- (19) Nơi cư trú (nơi đang sinh sống);
- (20) Ngày, tháng, năm xuất cảnh (nếu có) (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (21) Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có): (nơi đã thường trú/nơi đã tạm trú/nơi đã sinh sống);

(22) Giấy tờ chứng minh có quốc tịch Việt Nam hoặc giấy tờ để phục vụ việc xác minh quốc tịch Việt Nam kèm theo (ghi rõ từng loại giấy tờ);

(23) Đề nghị cấp cho tôi Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam (ghi rõ tên cơ quan thụ lý hồ sơ).

* Người yêu cầu cam đoan về các thông tin cung cấp và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVC, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

Người yêu cầu cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam nhận bản điện tử Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam.

Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam khi đã hoàn tất thủ tục cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam.

NỘI DUNG MẪU QUỐC TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC BẢN KHAI LÝ LỊCH

- (1) Ảnh 4 x 6 và chụp không quá 6 tháng;
- (2) Họ, chữ đệm và tên;
- (3) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);
- (4) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (5) Nơi làm việc.

I. Tóm tắt về bản thân

(Ghi rõ thông tin từ trước tới nay, quá trình sinh sống, làm gì, ở đâu?)

II. Tóm tắt về người thân thích

Ông nội (chỉ khai trong trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam có ông nội là công dân Việt Nam);

- (6) Họ, chữ đệm và tên;
- (7) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);
- (8) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (9) Quốc tịch;
- (10) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

Bà nội (Chỉ khai trong trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam có bà nội là công dân Việt Nam);

- (11) Họ, chữ đệm và tên;
- (12) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);
- (13) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (14) Quốc tịch;
- (15) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

Ông ngoại (Chỉ khai trong trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam có ông ngoại là công dân Việt Nam);

- (16) Họ, chữ đệm và tên;
- (17) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);
- (18) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (19) Quốc tịch;
- (20) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

Bà ngoại (chỉ khai trong trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam có bà ngoại là công dân Việt Nam);

(21) Họ, chữ đệm và tên;

(22) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);

(23) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(24) Quốc tịch;

(25) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

Người cha

(26) Họ, chữ đệm và tên;

(27) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);

(28) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(29) Quốc tịch;

(30) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

Người mẹ

(31) Họ, chữ đệm và tên;

(32) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);

(33) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(34) Quốc tịch;

(35) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

Vợ/chồng

(36) Họ, chữ đệm và tên;

(37) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);

(38) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(39) Quốc tịch;

(40) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

Con thứ nhất

(41) Họ, chữ đệm và tên;

(42) Giới tính;

(43) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);

(44) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(45) Quốc tịch;

(46) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

Con thứ ...**Anh/chị/em ruột thứ nhất**

(47) Họ, chữ đệm và tên;

(48) Giới tính;

(49) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);

(50) Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(51) Quốc tịch;

(52) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

Anh/chị/em ruột thứ

* Người yêu cầu cam đoan về các thông tin cung cấp và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVC, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.